

Nguồn: <https://truongcaodangyduocpasteur.edu.vn/> tổng hợp.

PHẦN 1: 50 ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

ĐỀ SỐ 01. CHUYỆN LÊ QUÝ ĐÔN ĐIỆN BIÊN LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

"*Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.*

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen ; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị ; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn."

(Trích "Hai đứa trẻ" - Thạch Lam, SGK Ngữ văn 11 tập 1, NXBGD năm 2014)

Câu hỏi:

- Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?
- Nêu nội dung của đoạn văn?
- Những đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn văn? Tác dụng?
- Vẻ đẹp văn phong Thạch Lam qua đoạn văn trên.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

- Câu a.** Đoạn văn trên được viết theo phương thức miêu tả là chính.
- Câu b.** Nội dung của đoạn văn: bức tranh thiên nhiên phố huyện với vẻ đẹp trầm buồn, tĩnh lặng, rất đời thơ mộng lúc chiều tà và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của Liên.
- Câu c.**
- Những đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn văn:
 - + Hình ảnh so sánh độc đáo: *Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*
 - + Nghệ thuật tả cảnh: dùng ánh sáng để gợi tả bóng tối, dùng động tả tĩnh -> sử dụng nghệ thuật tương phản làm đòn bẩy.
 - + Ngôn ngữ: tinh tế, giàu chất thơ
 - + Âm điệu: trầm buồn.
 - Tác dụng: làm nổi bật nội dung đoạn văn và ngòi bút tài hoa của tác giả.
- Câu d.** Vẻ đẹp văn phong Thạch Lam qua đoạn văn: Ngôn ngữ trong văn Thạch Lam giàu hình ảnh, giàu chất thơ, giọng văn nhẹ nhàng mà thấm thía, đậm chất trữ tình.

ĐỀ SỐ 02. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỒ CHÍ MINH

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là khi lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mong manh như thế. Con người cần một đại dương mệnh mệnh bị bão táp làm nổi sóng nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thêm muốn.”

[Theo A.L.Ghec-xen, 3555 câu danh ngôn, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1997]

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 2: Nêu nội dung chính của văn bản trên. [0,5 điểm]

Câu 3: Chỉ ra tác dụng của việc dùng phép so sánh trong văn bản trên. [0,5 điểm]

Câu 4: Theo quan điểm riêng của anh/ chị, cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình gây ra những tác hại gì? [Trả lời ít nhất 2 tác hại trong khoảng 5-7 dòng] [0,25 điểm]

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NOI DỰA

Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia ?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào..

Đứa bé đang lẫm chẫm muôn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gặng gỏi một đời.

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.

(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Câu 5: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 6: Hãy chỉ ra nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản trên. [0,25 điểm]

Câu 7: Qua văn bản trên, anh/ chị hiểu thế nào là nơi dựa của mỗi con người trong cuộc đời? [0,5 điểm]

Câu 8: Xác định các dạng của phép điệp trong văn bản trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng. [0,5 điểm]

ĐÁP ÁN

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức nghị luận/ nghị luận.

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên: khẳng định cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống sai lầm/bác bỏ một quan niệm sống sai lầm: sống bó hẹp trong ngưỡng cửa nhà mình.

Câu 3. Tác giả đã so sánh cuộc sống của mỗi người (*cuộc sống đầy đủ tiện nghi; cuộc sống biệt lập; cuộc sống lúc sáng gió; ...*) với một mảnh vườn (*mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng; mảnh vườn có lớp rào bao quanh; mảnh vườn lúc đông cỏ nổi lên; ...*)

Tác dụng: việc sử dụng phép so sánh khiến đoạn văn trở nên sinh động, truyền cảm, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao chứ không khô khan như khi chỉ sử dụng lí lẽ thuần túy.

Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác hại của *cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình* theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Câu 5. Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật/ văn chương.

Câu 6. Nghịch lí trong hai câu in đậm của văn bản: Thông thường người yếu đuối tìm nơi dựa ở người vững mạnh. Ở đây ngược lại. Người mẹ trẻ khỏe dựa vào đứa con mới biết đi chập chững. Anh bộ đội dạn dày chiến trận dựa vào cụ già bước từng bước run rẩy trên đường.

Câu 7. Nơi dựa của mỗi người trong cuộc đời mà bài thơ đề cập đến là nơi dựa tinh thần, nơi con người tìm thấy niềm vui, ý nghĩa sống, ...

Câu 8. Các dạng của phép điệp trong văn bản: điệp từ (*đứa bé, bà cụ, ...*), điệp ngữ (*ai biết đâu, lại chính là nơi dựa, ...*), điệp cấu trúc (câu mở đầu của 2 đoạn có cấu trúc giống nhau, câu kết của 2 đoạn cũng vậy), điệp kết cấu giữa hai đoạn.

Hiệu quả nghệ thuật: tạo sự cân xứng, nhịp nhàng, hài hòa giữa hai đoạn thơ, góp phần khẳng định nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống chính là nơi ta tìm thấy

niềm vui và hạnh phúc.

ĐỀ SỐ 03. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 1

*“Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

*Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay”*

(Trích “*Bên kia sông Đuống*” – Hoàng Cầm)

1/ Chủ đề đoạn thơ trên là gì?

2/ Phân tích giá trị biện pháp tu từ trong đoạn thơ

3/ Theo anh/chị, thể thơ mà nhà thơ sử dụng có ý nghĩa như thế nào trong việc biểu đạt nội dung tư tưởng của đoạn thơ trên?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ trong bài “*Bên kia sông Đuống*” của Hoàng Cầm và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể:

Câu 1. Chủ đề đoạn thơ: Niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương và nỗi đau khi quê hương yêu dấu bị giày xéo

Câu 2. * Biện pháp tu từ:

- Biện pháp so sánh: “*Sao xót xa như rụng bàn tay*”: gọi nỗi đau máu thịt. Mỗi con người là một phần của Tổ quốc, coi Tổ quốc là máu thịt của mình. Đất nước bị giày xéo thì con người cũng xót xa như chính bản thân mình phải chịu đau đớn.

- Câu hỏi tu từ: “*sao nhớ tiếc*”, “*sao xót xa như*”... thể hiện sự nuối tiếc, đau đớn đến tận cùng.

* Cách sử dụng các từ láy: “*lấp lánh*”, “*xanh xanh*”, “*biêng biếc*”, “*nghiêng nghiêng*” góp phần gợi vẻ đẹp trù phú, tươi đẹp của quê hương bên dòng sông Đuống duyên dáng, thơ mộng.

Câu 3. Thể thơ tự do giúp tác giả thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình một cách chân thành,

xúc động mà không bị gò bó, cảnh đẹp quê hương cũng hiện lên tự nhiên, sống động.

ĐỀ SỐ 04. CHUYÊN CHU VĂN AN LẦN 1

Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn

Hai đứa ở hai đầu xa thăm

Đường ra trận mùa này đẹp lắm

Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây.

Một dãy núi mà hai màu mây

Nơi nắng nơi mưa, khí trời cùng khác

Như anh với em, như Nam với Bắc

Như Đông với Tây một dải rừng liền.

(*Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây* – Phạm Tiến Duật)

Đọc đoạn thơ trên và trả lời câu hỏi :

a/ Đoạn thơ trên được viết bằng thể loại nào? Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ.

b/ Trong đoạn thơ trên tác giả đã thể hiện những cảm xúc gì ?

c/ “*Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây*”

Hãy tìm trong bài thơ *Tương tư* của Nguyễn Bính một câu thơ có cách diễn đạt tương tự với câu thơ trên của Phạm Tiến Duật. Cách diễn đạt của hai câu thơ này có gì đặc biệt?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu a. - Đoạn thơ trên được viết bằng thể loại thơ tự do, xen kẽ các câu 7 chữ và 8 chữ.

- Đoạn thơ có giọng điệu tự nhiên như lời chuyện trò, tâm tình thân mật của tác giả với người yêu ở nơi xa. Đây là ngôn ngữ thơ ca bước ra đời sống, từ chiến trường.

Câu b. Trong đoạn thơ, tác giả đã thể hiện hai cảm xúc chủ đạo:

- Sự thích thú, yêu mến những vẻ đẹp của rừng Trường Sơn trên con đường ra trận.
- Nỗi nhớ thương sâu lắng hướng về “em”.

Câu c. - Câu thơ có cách diễn đạt tương tự là *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*.

- Hai câu thơ của Nguyễn Bính và của Phạm Tiến Duật đều nói về nỗi nhớ và đều sử dụng các địa danh để thể hiện nỗi nhớ của mình.

Cách diễn đạt này khắc họa rõ sự chia cách ở những miền không gian xa nhau, vừa thể hiện nỗi nhớ thiết tha sâu nặng lan tỏa tâm tư tâm hồn của con người mà bao

trùm cả không gian. Câu thơ vì thế có sự biểu cảm và lay động sâu sắc đối với người đọc.

ĐỀ SỐ 05. CHUYÊN THÁI NGUYỄN LẦN 1

Đọc văn bản:

*Ôi quê hương xanh biếc bóng dừa
Có ngờ đâu hôm nay ta trở lại
Quê hương ta tất cả vẫn còn đây
Dù người thân đã ngã xuống đất này
Ta gặp lại những mặt người ta yêu biết mấy
Ta nhìn, ta ngắm, ta say
Ta run run nắm những bàn tay
Thương nhớ dồn trong tay ta nóng bỏng*

*Đây rồi đoạn đường xưa
Nơi ta vẫn thường đi trong mộng
Kẻo kệt nhà ai tiếng võng đưa
Ấu ơ...thương nhớ lắm!
Ôi những bông trang trắng, những bông trang hồng
Như tấm lòng em trong trắng thủy chung
Như trái tim em đẹp màu đỏ thắm
Con sông nhỏ tuổi thơ ta đã tắm
Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình tím cả bờ sông*

(“Trở về quê nội” – Lê Anh Xuân)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Hai dòng thơ đầu có sử dụng những thành phần biệt lập nào? Dùng để diễn tả tâm trạng gì của nhà thơ?
2. Điệp từ “ta” được điệp lại nhiều lần kết hợp với một loạt những động từ “gặp lại”, “yêu”, “nhìn”, “say”, “ngắm”...có tác dụng gì?
3. Những hình ảnh nào trong đoạn thơ đã thể hiện được vẻ đẹp và sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của quê hương?
4. Âm thanh “kẻo kệt...tiếng võng đưa”, “Ấu ơ...” đánh thức điều gì trong cái tôi trữ tình của tác giả?
5. Chữ “tím” trong câu thơ “Hoa lục bình tím cả bờ sông” có sự chuyển đổi từ loại như thế nào? Tác dụng của sự chuyển đổi ấy trong việc biểu đạt nội dung?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:

- Câu 1.** Hai dòng thơ đầu có sử dụng các thành phần biệt lập:
- Thành phần cảm thán: “Ôi”

- Thành phần tình thái: “*Có ngờ đâu*”

=> Thể hiện tâm trạng xúc động rung rung của nhà thơ khi trở về quê cũ.

- Câu 2.** Điệp từ “*ta*” được điệp lại nhiều lần kết hợp với một loạt những động từ “*gặp lại*”, “*yêu*”, “*nhìn*”, “*say*”, “*ngắm*”... nhằm thể hiện tình yêu quê hương tha thiết và nỗi xúc động, bồi hồi của tác giả khi trở lại quê nhà sau bao năm xa cách.
- Câu 3.** Những hình ảnh trong đoạn thơ đã thể hiện được vẻ đẹp và sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của quê hương: *xanh biếc bóng dừa, những mặt người ta yêu biết mấy, đoạn đường xưa. tiếng võng đưa, những bông trang trắng những bông trang hồng, con sông nước chằng đỗi dòng, hoa lục bình tím cả bờ sông.*
- Câu 4.** Âm thanh “*kèo kệt...tiếng võng đưa*”, “*Àu ơ...*” đánh thức những kỉ niệm tuổi thơ thật đẹp, thật yên bình gắn với hình ảnh của bà, của mẹ trong cái tôi trữ tình của tác giả.
- Câu 5.** - Trong câu thơ “*Hoa lục bình tím cả bờ sông*”, chữ “*tím*” ở đây có sự chuyển đổi từ loại từ tính từ sang động từ [tím: nhuộm tím cả bờ sông]
- Tác dụng: gợi ra hình ảnh dòng sông quê đẹp, gần gũi và thanh bình, êm ả mà tràn đầy sức sống với màu tím triền miên, trải dài như vô tận.

ĐỀ SỐ 06. CHUYÊN HOÀNG VĂN THỤ HÒA BÌNH LẦN 1

Đọc kĩ văn bản sau đây và trả lời câu hỏi nêu dưới:

Chân quê

- Nguyễn Bính -

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê*

Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

- a, Hãy viết 1- 3 câu giới thiệu về tác giả bài thơ?
- b. Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?
- c, Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở khổ thứ hai và ý nghĩa các biện pháp nghệ thuật đó?
- d, Chỉ ra sự đổi mới trong cách sử dụng thanh điệu so với thể lục bát truyền thống ở các câu thơ sau đây và nêu ý nghĩa của sự đổi mới đó? “ *Như hôm em đi lễ chùa/ Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh*”; “ *Hôm qua em đi tỉnh về/ Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*”
- e, Qua bài thơ, nhân vật trữ tình muốn nhắn nhủ điều gì với em?

ĐÁP ÁN

Đọc bài thơ và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản trữ tình để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tâm tình của tác phẩm, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích

Yêu cầu cụ thể

Câu a. Giới thiệu tác giả của bài thơ:

Nguyễn Bính (tên thật là Nguyễn Trọng Bính; 1918–1966) là một trong “ba đỉnh cao” của phong trào Thơ. Ông được coi là “nhà thơ quê mùa nhất” bởi những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc, mang đậm hồn quê.

Câu b. Chủ thể trữ tình trong bài thơ: chàng trai

Câu c. Các biện pháp tu từ:

- Khổ 2 của bài thơ sử dụng các biện pháp tu từ:

+ Liệt kê: “ *cái yếm lụa sồi*”, “ *cái dây lưng dũi*”, “ *cái áo tứ thân*”, “ *cái khăn mỏ quạ*”, “ *cái quần nái đen*” nhằm nhấn mạnh những trang phục của thôn quê, trong sự đối lập trước sự thay đổi của người yêu ở khổ 1; thể hiện sự nuối tiếc, muốn níu kéo

những nét đẹp truyền thống, sự thân thuộc, giản dị của người yêu dù không thể thay đổi được.

+ Câu hỏi tu từ cùng điệp ngữ. Khổ thơ có 4 câu là 4 câu hỏi tu từ qua cấu trúc câu hỏi “*Nào đâu*” lặp lại 2 lần khiến lời thơ bộc lộ rõ sự trách móc, nuối tiếc, xót xa, đau khổ của chàng trai trước sự thay đổi của người yêu.

Câu d. - Thông thường, trong thơ lục bát truyền thống, mô hình khái quát của thanh điệu là:

1 2 3 4 5 6 7 8

Câu lục 1: + B + T + B

Câu lục 2: + T T + + B

Câu bát 1: + B + T + B + B

Câu bát 2: + T + B + T + B

Nghĩa là:

- Các từ 2, 4, 6, 8 phải luôn đúng luật bằng trắc

- Các từ 2, 4 câu lục phải niêm với các từ 2, 4 câu bát.

- **Phân tích cụ thể sự đổi mới: có sự thay đổi trong luật bằng trắc**

Như hôm em đi lễ chùa

B B B

Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh

B T B B

Hôm qua em đi tỉnh về

B B B

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều

B T B B

- **Ý nghĩa sự đổi mới:** Việc sử dụng nhiều thanh bằng góp phần tạo nên giọng điệu trầm lắng, diễn tả tâm trạng xót xa nuối tiếc của chàng trai trước sự thay đổi bất ngờ đầy thành thi của cô gái

Câu e. Qua bài thơ, nhân vật chàng trai muốn nhắn nhủ với “em” điều: Hãy giữ gìn những nét đẹp truyền thống, đừng chạy theo vẻ hào nhoáng bên ngoài, đừng khoác lên mình những thứ xa lạ, phù phiếm.

ĐỀ SỐ 06. CHUYÊN NGUYỄN HUỆ LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

“Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên toàn cầu hóa với tất cả sự phức tạp của thời cơ và nguy cơ, vận hội và thách thức đan xen, chuyển hóa khôn lường; hoặc là tụt hậu, tức là bị bỏ rơi hoặc là bứt phá, vươn lên để bắt nhịp cùng thời cuộc, làm chủ vận mệnh của mình, mà nếu dừng lại chính là tụt hậu. Mà tụt hậu, nhất là về kinh tế, đó là nguy cơ mà tròn hai mươi năm trước, tháng 1-1994, Đảng ta đã cảnh báo và suốt hai thập niên cả dân tộc nỗ lực không ngừng để vượt qua.

Do đó, hơn bao giờ hết, con đường duy nhất đúng đắn là chúng ta phải vươn lên, đưa đất nước phát triển bền vững, khi nhịp chân nhân loại không chờ đợi bất cứ ai, cuộc cạnh tranh toàn cầu luôn tiềm ẩn nguy cơ “mất còn”, không quốc gia, dân tộc nào là ngoại lệ, làm cho tương quan lực lượng giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới thường xuyên thay đổi. Tụt hậu là bị toàn cầu hóa lướt qua, nhấn chìm, tất yếu khó tránh khỏi rơi vào lệ thuộc, trở thành “sân sau” của người khác, sẽ không thể nào cải thiện, nâng cao được đời sống của nhân dân. “Thực túc, binh cường”, nếu tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền của đất nước, khó có thể có được chỗ đứng xứng đáng trên trường quốc tế, hưởng chi là vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu.”

- a, Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ chức năng nào? Chỉ ra câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa (1,0 điểm)
- b, Giải thích khái niệm toàn cầu hóa trong văn cảnh trên? (1,0 điểm)
- c, Viết đoạn văn khoảng 20 dòng giải thích vì sao: “tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền đất nước” (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

Yêu cầu cụ thể

Câu a.

- Phong cách ngôn ngữ chính luận.

- Câu văn sử dụng nghệ thuật nhân hóa: “Tụt hậu là bị toàn cầu hóa lướt qua, n hấn chìm, tất yếu khó tránh khỏi rơi vào lệ thuộc, trở thành “sân sau” của người khác, sẽ

không thể nào cải thiện, nâng cao được đời sống của nhân dân”

Câu b. - Toàn cầu hóa là quá trình gia tăng, mở rộng những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động, phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, văn hóa, thông tin ... giữa các nước, các khu vực trên toàn thế giới. Đó là xu thế tất yếu, một đòi hỏi chính đáng để xây dựng, phát triển mỗi quốc gia và giải quyết các vấn đề chung của toàn nhân loại.

- Nó mang lại nhiều cơ hội và cả những thách thức cho các quốc gia.

Câu c. Viết đoạn văn giải thích:

Hình thức: Viết đúng quy ước đoạn văn và số câu mà đề quy định.

Nội dung: Học sinh có thể trình bày cảm nhận riêng của mình về lí do nhưng cần làm rõ:

- Tụt hậu: là chậm, kém phát triển, là thụt lùi, thua kém so với các nước khác. Nó biểu hiện ở nhiều mặt: kinh tế, văn hóa, chính trị, tư tưởng, giáo dục, công nghệ,...

- Độc lập, chủ quyền dân tộc: là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm mà bao thế hệ ông cha đã phải đánh đổi bằng xương máu để giành lại từ tay những kẻ xâm lược.

- Tụt hậu thì khó có thể bảo vệ được độc lập, chủ quyền đất nước, vì:

+ Chất lượng đời sống thấp làm nảy sinh các tệ nạn xã hội, có thể gây bất ổn chính trị.

+ Không có sức mạnh kinh tế, kĩ thuật, quân sự,... sẽ không có đủ sức mạnh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch.

+ Có thể bị lệ thuộc, trở thành "sân sau" của các nước khác, từ kinh tế đến chính trị.

=> Nói cách khác, nếu không nỗ lực phát triển toàn diện đất nước, chúng ta sẽ trở thành một dân tộc nhược tiểu, nền độc lập và chủ quyền dân tộc sẽ bị đe dọa.

- Do vậy, mỗi công dân cần ý thức được trách nhiệm của mình: học tập, rèn luyện cả đức, tài, nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù,... để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền dân tộc.

ĐỀ SỐ 07. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 2

Đọc đoạn văn và trả lời các yêu cầu dưới đây:

"Ồ lâu trong cái khổ, Mỹ quen khổ rồi. Bây giờ Mỹ tưởng mình cũng là con trâu con ngựa"

"Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào công việc cả đêm cả ngày"

"Mỗi ngày Mị không nói lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa"

"Ngựa vẫn đứng yên gãi chân nhai cỏ, Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa"

(" Vợ chồng A Phủ" - Tô Hoài)

1. Những thủ pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong những câu văn trên?

2. Nêu hiệu quả, ý dụng của những thủ pháp nghệ thuật ấy?
3. Từ những câu trích trên, anh (chị) hãy viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 10-12 câu) nói về tình cảm, thái độ của nhà văn với đối tượng miêu tả?

ĐÁP ÁN

Đọc và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng là: so sánh (bằng, hơn, kém), điệp, vật hóa.

Câu 2. Hiệu quả, tác dụng:

- So sánh Mị với con trâu, con ngựa, con rùa để làm nổi bật nỗi khổ về cả thể xác lẫn tinh thần của cô gái Mèo này.
- Điệp để nhấn mạnh nội dung diễn đạt đồng thời tạo nhịp điệu cho câu văn.
- Vật hóa (ngược với nhân hóa) tạo nên ý nghĩa kiếp người chỉ bằng, thậm chí không bằng kiếp vật.

Câu 3. Yêu cầu về đoạn văn:

- Hình thức: 10-12 câu theo phương pháp quy nạp.
- Nội dung: Sự thấu hiểu và cảm thông sâu sắc của nhà văn đối với nỗi khổ đau bất hạnh của nhân vật Mị trong tác phẩm nói riêng và những người phụ nữ miền núi nói chung. Qua đó, ta thấy Tô Hoài là một nhà văn vừa am hiểu đời sống, vừa có tấm lòng nhân đạo đáng quý.

ĐỀ SỐ 08. CHUYÊN HÙNG YÊN LÀN 1

*“Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời”*

(Chiều xuân – Anh Thơ)

- a, Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)
- b, Bức tranh chiều xuân hiện lên trong đoạn thơ có đặc điểm gì? (0.5 điểm)
- c, Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thứ hai và thứ ba của đoạn thơ? (0.5 điểm)
- d, Anh/chị thấy được những điều gì trong tâm hồn tác giả qua đoạn thơ trên? (0.5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản trữ tình để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về tác giả, tâm tình trong văn bản, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đó.

Câu a. Đoạn thơ trên chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt: miêu tả

Câu b. Bức tranh chiều xuân hiện lên có những đặc điểm là:

- b.** - Bức tranh thủy mặc chấm phá những nét đầy thi vị về một buổi chiều quê mưa xuân.
- Cảnh đẹp, bình yên nhưng gợi buồn.

Câu c. - Biện pháp tu từ nhân hóa: “*đò- biếng lười- mặc*”, “*quán tranh- đứng im lìm*”

- Tác dụng biện pháp tu từ:

+ Biến những vật vô tri, vô giác thành sống động có hồn, gợi hình, gợi cảm.

+ Góp phần khắc họa hình ảnh thiên nhiên, làng quê vắng lặng, im lìm, bình yên nhưng cũng đượm buồn.

Câu d. - Tâm hồn của tác giả trong đoạn thơ:

- d.** + Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời buổi chiều xuân.
- + Tấm lòng yêu thiên nhiên, quê hương sâu sắc.

ĐỀ SỐ 09. CHUYÊN CAO BẰNG LẦN 1

Đọc văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi:

Con yêu quý của cha, suốt mấy tháng qua con vùi đầu vào mớ bài học thật là vất vả. Nhìn con nhiều lúc mệt ngủ gục trên bàn học, lòng cha cũng thấy xót xa vô cùng. Nhưng cuộc đời là như thế con ạ, sống là phải đối diện với những thử thách mà vượt qua nó. Rồi con lại bước vào kì thi quan trọng của cuộc đời mình với biết bao nhiêu khó nhọc. Khi con vào trường thi, cha chỉ biết cầu chúc cho con được nhiều may mắn để có thể đạt được kết quả tốt nhất. Quan sát nét mặt những vị phụ huynh đang ngồi la liệt trước cổng trường, cha thấy rõ được biết bao nhiêu là tâm trạng lo âu, thốn thốn, mong ngóng... của họ. Điều đó là tất yếu vì những đứa con luôn là niềm tự hào to lớn, là cuộc sống của bậc sinh thành.

Con đã tham dự tới mấy đợt dự thi để tìm kiếm cho mình tấm vé an toàn tại giảng đường đại học. Cái sự học khó nhọc không phải của riêng con mà của biết bao bạn bè cùng trang lứa trên khắp mọi miền đất nước. Ngưỡng cửa đại học đối với nhiều bạn là niềm mơ ước, niềm khao khát hay cũng có thể là cơ hội đầu đời, là bước ngoặt của cả đời người. Và con của cha cũng không ngoại lệ, con đã được sự trải nghiệm, sự cạnh tranh quyết liệt đầu đời. Từ nay cha mẹ sẽ buông tay con ra để con tự do khám phá và quyết định cuộc đời mình. Đã đến lúc cha mẹ lui về chỗ đứng của mình để thế hệ con cái tiến lên. Nhưng con hãy yên tâm bên cạnh con cha mẹ luôn hiện diện như những vị cố vấn, như một chỗ dựa tinh thần vững chắc bất cứ khi nào con cần tới.

(Trích “*Thư gửi con mùa thi đại học*”, trên *netchunetnguoiv.com*)

- a) Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?
- b) Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.
- c) Khái quát nội dung của đoạn văn bản trích trên.
- d) Hãy tìm nhan đề phù hợp để đặt tên cho đoạn trích.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

- Câu a.** Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- Câu b.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- Câu c.** Khái quát nội dung của đoạn văn bản trích:
- Đoạn trích là sự thấu hiểu và tình yêu thương, sẵn sàng sẻ chia của người cha trước những vất vả của con trước ngưỡng cửa thi đại học.
 - Đồng thời, đó cũng là lời động viên, khích lệ, tin tưởng của cha dành cho những nỗ lực của con.
- Câu d.** Nhan đề phù hợp là nhan đề ngắn gọn, hàm súc, khái quát được nội dung của đoạn trích và có tính hấp dẫn. Ví dụ: Mùa thi bên con,...

ĐỀ SỐ 10. CHUYÊN BẮC GIANG LẦN 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở phía dưới:

“...Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không còn sợ nó nữa. Tối hết cả. con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cả cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát; trong cửa hang, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phen nữa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại nơi hang nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe...”

(Trích “*Hai đứa trẻ*” – Thạch Lam)

1. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?
2. Nội dung miêu tả của đoạn văn là gì?
3. Xác định thủ pháp nghệ thuật chính trong đoạn văn? Nêu tác dụng của thủ pháp đó.
4. Phân tích ngắn gọn hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ trong vế câu “*thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa*”

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** Đoạn văn trên sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 2.** Đoạn văn miêu tả khung cảnh và cuộc sống con người phố huyện khi đêm xuống.
- Câu 3.** Thủ pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong đoạn văn là thủ pháp đối lập giữa ánh sáng và bóng tối và biện pháp liệt kê.
Tác dụng: miêu tả cuộc sống tăm tối, nhịp sống tẻ nhạt, đều đều, quanh quẩn của con người phố huyện lúc đêm xuống.
- Câu 4.** Hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ trong vế câu “*thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa*”: Cách nói đảo ngữ và các từ “*thưa thớt*” “*hột sáng*” “*lọt*” gợi tả thứ ánh sáng leo lét, yếu ớt, như những kiếp người phố huyện bé nhỏ, vật vờ trong cái màn đêm mênh mông của xã hội cũ.

ĐỀ SỐ 11. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 1

Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

Chiều mộng hòa thơ trên nhánh duyên.

Cây me ríu rít cặp chim chuyền

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,

Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.

Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu,

Lá lá cành hoang nắng trở chiều.

Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn,

Làn đầu rung động nỗi thương yêu.

[*Thơ duyên - Xuân Diệu*]

- a. Nội dung đoạn thơ trên là gì?
- b. Từ láy “*ríu rít*” và “*xiêu xiêu*” có tác dụng gì?

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đảo ngữ ?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

- Câu a.** Đoạn thơ là bức tranh thu dưới con mắt của một chàng thanh niên trẻ tuổi - tâm hồn đang tràn ngập yêu thương. Bức tranh ấy tràn đầy sức sống với âm thanh, ánh sáng tươi vui, rộn rã, vạn vật gắn bó, hòa quyện với nhau thật tự nhiên, đẹp đẽ!
- Câu b.** Từ láy "rú rít" và "xiêu xiêu" chỉ sự sóng đôi, hòa hợp, sự hòa điệu của thiên nhiên. Cặp chim chuyền rú rít tình tự, gió nương theo con đường nhỏ, cũng dịu dàng, duyên dáng. Tất cả đã làm nên một bức tranh thu rất thơ, rất mộng.
- Câu c.** - Phép đảo ngữ ở các câu:
+ *Cây me rú rít cặp chim chuyền* (*Cặp chim chuyền rú rít trên cây me*)
Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá, (*Trời xanh ngọc đổ qua muôn lá*)
+ "*Lả lả cành hoang nắng trở chiều*" (*Cành hoang lả lả...*)
- Tác dụng: Các từ láy "rú rít" "lả lả" và động từ "đổ" được đặt ở đầu câu vừa nhấn mạnh được sự gắn bó, hòa hợp giữa các sự vật [cặp chim chuyền], đường nét, dáng vẻ mềm mại của cây, của nắng và màu sắc của cảnh vật. Đồng thời cũng tạo nên nhạc điệu quyến luyến, êm dịu, một vẻ duyên dáng, tinh tế cho các câu thơ.

ĐỀ SỐ 12. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 2

Mẹ và quả

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ mong chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh.*

- Nguyễn Khoa Điềm -

Đọc bài thơ và trả lời các câu hỏi:

a/ Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tả thực? Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tượng trưng?

b/ Tìm và chỉ ra ý nghĩa của các biện pháp tu từ được dùng trong hai câu thơ sau:

"Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh"

c/ Ở khổ thơ thứ 2, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào? Qua đó, anh/chị hiểu gì về tình cảm của nhà thơ đối với mẹ?

ĐÁP ÁN

- Câu a.**
- Từ "quả" có ý nghĩa tả thực trong các câu thơ 1,3
 - Từ "quả" có ý nghĩa tượng trưng trong các câu thơ 9 và 12, chỉ những đứa con lớn lên bằng tình yêu và sự săn sóc ân cần của mẹ.
- Câu b.**
- Các biện pháp tu từ trong 2 câu thơ là:
 - + Hoán dụ "bàn tay mẹ mỏi", lấy bộ phận chỉ toàn thể, nói bàn tay mỏi để nói đến sự già yếu của mẹ.
 - + Ẩn dụ so sánh "một thứ quả non xanh" - chỉ người con, ý nói vẫn chưa trưởng thành.
 - Tác dụng:
 - + Tăng sức gợi hình và biểu cảm cho câu thơ
 - + Bộc lộ tâm tư sâu kín: Tác giả tự kiểm điểm chính mình chậm trưởng thành mà lo sợ ngày mẹ già yếu đi vẫn chưa thể nở một nụ cười mãn nguyện với "vườn người" mẹ đã vun trồng suốt cả cuộc đời, lòng mẹ sẽ buồn đau. Tác giả sợ mình chưa thể báo đáp công ơn to lớn của mẹ cho trọn đạo hiếu. Qua đó, ta thấy ở nhà thơ tấm lòng yêu thương và biết ơn mẹ chân thành và vô cùng sâu sắc. Hai câu thơ cũng là nỗi lòng của biết bao kẻ làm con nên giàu sức ám ảnh, khiến người đọc không khỏi trân trọng, tự nhìn lại chính mình!
- Câu c.**
- Khổ thơ thứ hai, với các hình ảnh "giọt mồ hôi mặn" "lòng thâm lặng mẹ tôi", tác giả đã khắc họa hình ảnh một người mẹ tảo tần, lam lũ, nhọc nhằn nhưng giàu đức hi sinh. Mẹ vẫn âm thầm chăm sóc, vun trồng cho những bầu, những bí như chăm sóc chính những đứa con của mẹ, dẫu gian truân không một chút phàn nàn. Nhà thơ đã có một hình ảnh so sánh độc đáo - dáng hình của bầu bí như dáng giọt mồ hôi, hay giọt mồ hôi mẹ cứ dài theo năm tháng, như những bí những bầu. Qua đó, hình ảnh mẹ hiện lên bình dị mà đẹp đẽ biết bao!

- Nhà thơ đã thấu hiểu những vất vả, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đều vì con. Câu thơ "Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên" giọng ngậm ngùi chất chứa biết bao thương cảm, thành kính, biết ơn.

ĐỀ SỐ 13. CHUYÊN SƠN TÂY LÀN 1

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa

Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...

Chiều nay con chạy về thăm Bác

Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen

Đến bên thang gác, đứng nhìn lên

Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?

Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời

Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội

Rước Bác vào thăm thấy Bác cười!

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai

Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!

Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm

Quanh mặt hồ in mây trắng bay...

(*Bác ơi* - Tố Hữu, ngữ văn 12 Tập 1, NXB Giáo dục VN trang 167 – 168)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a/ Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.

b/ Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên là gì? Cảm xúc đó được bộc lộ như thế nào?

c/ Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có điểm gì tương phản với nhau. Sự tương phản ấy có tác dụng gì trong việc biểu đạt cảm xúc của nhà thơ?

ĐÁP ÁN

- Câu a.** Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu b.** - Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ trên: Nỗi đau xót lớn lao và niềm tiếc thương vô hạn của nhà thơ trước sự kiện Bác Hồ qua đời.
- Nỗi đau ấy được diễn tả bằng những từ ngữ, hình ảnh thơ xúc động:
- + Khi nghe tin Bác mất, Tố Hữu đã tìm về ngôi nhà sàn thân yêu của Bác. Nhà thơ không đi nổi mà phải “lăn” từng bước vì quá bàng hoàng, đau đớn, không thể tin là Bác đã mất.
- + Trước sự ra đi của Bác, không gian, thiên nhiên như hòa điệu với tâm trạng của con người: “*Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa*”. Mọi sự vật xung quanh cũng trở nên hoang vắng như mất hết linh hồn: vườn rau, gốc dừa ướt lạnh, gian phòng lặng yên, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng. Không còn bóng dáng của Người dạo bước bên hồ vào mỗi sớm mai. Vì thế trái bưởi vàng kia, bông hoa nhài kia còn biết ngọt, biết tỏa mùi thơm cho ai nữa. Tất cả đều chìm lắng trong nỗi đau mất mát khôn tả.
- + Nỗi đau này quá lớn khiến nhà thơ không thể tin đó là sự thật nên thảng thốt tự hỏi: *Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*
- Câu c.** Giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người có sự tương phản với nhau: Lòng người thì đau đớn xót xa, còn ở ngoài kia đang là những ngày mùa thu tươi đẹp, bầu trời trong xanh, ánh nắng lung linh chiếu rọi. Miền Nam tràn ngập niềm vui, niềm hy vọng vì những chiến thắng lớn. Nhân dân miền Nam đang mơ đến ngày mở hội toàn thắng để được đón Bác vào thăm, để được nhìn thấy nụ cười rạng rỡ của Người. Sự tương phản giữa khung cảnh bên ngoài và lòng người gợi bao nỗi day dứt về tính chất phi lí không thể chấp nhận được của sự mất mát. Cuộc đời càng đẹp đẽ, hấp dẫn thì sự ra đi của Bác càng gợi bao nỗi đau xót nhức nhối tâm can.

ĐỀ SỐ 14 . CHUYỆN NGUYỄN TẮT THÀNH LẦN 1

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

“... Có gì đâu, có gì đâu
 Mơ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều
 Rễ siêng không sợ đất nghèo Tre
 bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
 Vươn mình trong gió tre đu
 Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
 Yêu nhiều nắng nở trời xanh
 Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
 Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay nú tre gần nhau thêm... ”

(Trích "Tre Việt Nam", Nguyễn Duy)

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi:

a/ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên và nêu tác dụng của phương thức biểu đạt đó. (1,0 điểm)

b/ Trình bày ngắn gọn về tác dụng của việc sử dụng biện pháp nhân hóa trong văn bản. (1,0 điểm)

c/ Anh (chị) nhận được bài học nào từ văn bản trên? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản trích “Tre Việt Nam”- Nguyễn Duy

Câu a. - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm (nếu học sinh chỉ ra cả hai phương thức biểu cảm và miêu tả cũng cho điểm).

- Tác dụng: qua việc tái hiện cụ thể và sinh động hình ảnh của những lũy tre Việt Nam đã thể hiện cảm hứng ngợi ca.

Câu b. - Chỉ ra một vài câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa trong văn bản: “*Rễ siêng không sợ đất nghèo*”/ “*Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành*”/ “*Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh*”/ “*Tay ôm tay nú tre gần nhau thêm*”.

- Tác dụng: hình ảnh cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người đã đem lại những bài học sâu sắc.

Câu c. - Đưa ra bài học sâu sắc có liên quan đến nội dung văn bản, mang tính thuyết phục (Ví dụ: *Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở...*).

- Đảm bảo những yêu cầu về diễn đạt, chính tả, trình bày.

ĐỀ SỐ 15. CHUYÊN HÙNG VƯƠNG PHÚ THỌ LÀN 2

“*Một năm đi qua. Mùa xuân thứ hai đã đến. Màu xanh thẫm của đỗ, của ngô, của lạc, màu xanh non của lá mạ, màu đỏ tươi của ớt chín lán dần lên các thứ màu nham nhở khác của đất hoang... Một mảnh vải trắng làm rèm che cửa, một giàn liểu leo có những chám hoa đỏ thắm như nhung ở mé hiên phía trước, bóng lá loáng mượt của rặng chuối, màu càn rục của khóm đu đủ, mấy con ngỗng bì bạch ở mé nhà, tiếng guốc đi lẹp kẹp, bóng dáng nặng nề của những chị có mang ở khu gia đình, những ngọn đèn le lói, mảng thuốc bay qua ánh đèn trông rõ từng sợi xanh. Tiếng cười the thé, tiếng thủ thỉ, tiếng la hét, tiếng trẻ con khóc. Người ta làm việc, người ta yêu nhau, và làm cho nhau đau khổ. Những nỗi niềm, những tâm sự, những mong ước. Cuộc sống vĩ đại đã trở lại rồi”*

(Mùa lạc – Nguyễn Khải)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn? (0,5 điểm)

2. Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? Chỉ ra những biểu hiện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ đó? (1,0 điểm)
3. Những biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn? Tác dụng? (1,0 điểm)
4. Đoạn văn nói về vấn đề gì? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: miêu tả, tự sự, biểu cảm.

Câu 2. - Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

- Những biểu hiện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ đó:

+ Đoạn văn đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên và cuộc sống tươi mới, giàu âm thanh và màu sắc thông qua việc sử dụng tài tình, hiệu quả biện pháp tu từ liệt kê, so sánh.

+ Nhịp điệu nhịp nhàng, giọng văn mượt mà, giàu cảm xúc. Hình ảnh phong phú, sinh động, đầy màu sắc. Các câu văn như những nét vẽ mau lẹ, thanh thoát, tạo thành một bức tranh đầy sức sống.

+ Sử dụng các câu văn đặc biệt "*Tiếng cười the thé,... những mong ước.*"

Câu 3. - Những biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn: so sánh, liệt kê, điệp.

- Tác dụng: Tái hiện sự hồi sinh của cảnh vật và cuộc sống con người.

Câu 4. Đoạn văn nói về vấn đề: Miêu tả sự hồi sinh của mảnh đất Điện Biên vào mùa xuân, cả thiên nhiên và con người đều bừng lên sức sống mới.

ĐỀ SỐ 16. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH LẦN 1

1/ Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

“Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mát bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận”.

a. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Viết trong thời gian nào?(0,25 điểm)

b. Đoạn văn nói về vấn đề gì? Cách diễn đạt của tác giả có gì đặc sắc? (0,5 điểm)

c. Anh/chị hiểu như thế nào về *bề rộng* và *bề sâu* mà tác giả nói đến ở đây? (0,25 điểm)

d. Nội dung của đoạn văn giúp gì cho anh/chị trong việc đọc-hiểu các bài thơ mới trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông? (0,5 điểm)

2) Đọc văn bản:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

(*Tiếng hát con tàu* - Chế Lan Viên, *Ngữ văn 12*, tập một,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 144)

Trả lời các câu hỏi:

- a. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản (0,25 điểm)
- b. Văn bản sử dụng biện pháp tu từ gì? Cách sử dụng biện pháp tu từ ấy ở đây có gì đặc sắc? (0,5 điểm)
- c. Anh/chị hiểu như thế nào về cụm từ “*con gặp lại nhân dân*” ở văn bản? (0,25 điểm)
- d. Hãy nói rõ niềm hạnh phúc của nhà thơ Chế Lan Viên thể hiện trong văn bản. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đọc hiểu một đoạn văn:

Câu a. Đoạn văn được trích từ bài *Một thời đại trong thi ca*, là bài tổng luận cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, được viết năm 1942.

Câu b. - Đoạn văn đề cập đến cái tôi cá nhân – một nhân tố quan trọng trong tư tưởng và nội dung của thơ Mới (1932-1945), đồng thời, nêu ngắn gọn những biểu hiện của *cái tôi cá nhân* ở một số nhà thơ tiêu biểu.

- Tác giả đã có cách diễn đạt khá đặc sắc, thể hiện ở:

+ Cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh (*mắt bề rộng, tìm bề sâu, càng đi sâu càng lạnh, phiêu lưu trong trường tình, động tiên đã khép, ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta...*)

+ Câu văn ngắn dài linh hoạt, nhịp nhàng, thể hiện cảm xúc của người viết. Hình thức điệp cú pháp thể hiện ở một loạt vế câu (*ta thoát lên tiên...ta phiêu lưu trong trường tình...ta điên cuồng...ta đắm say...*) tạo nên ấn tượng mạnh ở người đọc.

+ Nghệ thuật hô ứng: *ta thoát lên tiên – động tiên đã khép, ta phiêu lưu trong trường tình – tình yêu không bền; ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử - điên cuồng rồi tỉnh, ta đắm say cùng Xuân Diệu – say đắm vẫn bơ vơ*. Nghệ thuật hô ứng làm cho các ý quán bện vào nhau rất chặt chẽ.

Câu c. - *Bề rộng* mà tác giả nói đến ở đây là *cái ta*. Nói đến *cái ta* là nói đến đoàn thể, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Thế giới của *cái ta* hết sức rộng lớn.

- *Bề sâu* là *cái tôi cá nhân*. Thế giới của cái tôi là thế giới riêng tư, nhỏ hẹp, sâu kín. Thơ Mới từ bỏ *cái ta*, đi vào *cái tôi cá nhân* bằng nhiều cách khác nhau.

Câu d. Trước hết, đoạn văn nhắc ta một điều quan trọng: Thơ mới là tiếng nói trữ tình của *cái tôi cá nhân*. Không nắm vững điều này, khó mà hiểu sâu sắc một bài thơ lãng mạn. Cũng qua đoạn văn trên, ta sẽ biết rõ hơn về nét nổi bật của một số nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới như: Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, từ đó, có định hướng đúng trong việc đọc hiểu

một số bài thơ của tác giả ấy có mặt trong chương trình.

Câu 2. Đọc hiểu một đoạn thơ:

Câu a. Phương thức biểu đạt mà văn bản sử dụng là phương thức biểu cảm.

Câu b. Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh. Nét đặc sắc ở đây là tác giả đã đưa ra một loạt hình ảnh so sánh (*nai về suối cũ, cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa, đũa trẻ thơ đối lòng gặp sữa, chiếc nôi ngừng gặp cánh tay đưa*) để làm nổi bật một yếu tố được so sánh (*con gặp lại nhân dân*). Đây là kiểu so sánh phức hợp, ít gặp trong thơ.

Câu c. Cụm từ "*con gặp lại nhân dân*" được hiểu: trước cách mạng, nhà thơ sống xa rời nhân dân, bó hẹp trong cái tôi cá nhân. Sau cách mạng, nhà thơ được hòa mình vào cuộc đời rộng lớn, cảm thấy thân thiết, gắn bó, gần gũi máu thịt với nhân dân.

Câu d. Bốn câu thơ trên đã thể hiện cảm xúc mãnh liệt của Chế Lan Viên khi trở về với nhân dân. Một loạt hình ảnh so sánh được đưa ra nhằm diễn tả sự hồi sinh của một hồn thơ. Đối với một người nghệ sĩ, đó là niềm hạnh phúc lớn lao, vô bờ.

ĐỀ SỐ 17. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 3

“Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dửng dưng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong treo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ.

Ông trời nhiều khi chơi ác, đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt”.

(Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục)

Đọc văn bản trên và cho biết:

a. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản **(0,5 điểm)**?

b. Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn bản? Phân tích hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp nghệ thuật đó. **(1,0 điểm)**.

c. Đoạn văn bản trên đã thực hiện những nét đặc sắc nào của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân? **(0,5 điểm)**

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

Câu a. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: tự sự, biểu cảm.

Câu b. - Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn bản:
+ Biện pháp đối lập tương phản: hoàn cảnh đề lao, nghề nghiệp quản ngục >< tính cách, tâm lòng của viên quan coi ngục.

+ Biện pháp so sánh: “...là một thanh âm trong treo”

- Hiệu quả nghệ thuật: khắc họa, ngợi ca nhân cách cao quý của quản ngục. Đây không phải là một cai ngục bình thường, chỉ là do hoàn cảnh mà bị đẩy vào chỗ cặn bã, thực chất ở con người ấy vẫn ngời lên những phẩm chất tốt đẹp.

Câu c. Những nét đặc sắc của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân được thể hiện trong đoạn văn:

- Cái nhìn đầy lãng mạn nhưng cũng là cái nhìn mang tính thâm mỹ cao cả của Nguyễn Tuân đối với con người.

- Xây dựng nhân vật bằng bút pháp lãng mạn, độc đáo.

- Ngôn ngữ trang trọng, mực thước.

ĐỀ SỐ 18. CHUYÊN SƠN LA LẦN 1

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời khi như mặt trăng*

*Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Nhỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi*

(*Mẹ và quả* - Nguyễn Khoa Điềm)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn thơ thể hiện suy tư, tình cảm gì của người con?
2. Điệp ngữ “*những mùa quả*” kết hợp với những hình ảnh “*lặn rồi lại mọc*” gợi tả điều gì?
3. Hai câu thơ “*Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên/Còn những bí và bầu thì lớn xuống*” được triển khai theo hình thức nghệ thuật nào và có ý nghĩa gì?
4. “*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn...*” là một trong những hình ảnh tài hoa nhất của bài thơ. Hãy xác định thủ pháp nghệ thuật mà nhà thơ dùng để xây dựng hình ảnh và ý nghĩa thâm mỹ của nó.

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ trong bài “Mẹ và quả” và thực hiện các yêu cầu:

Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú, nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, thấy được tác dụng của biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích.

Yêu cầu cụ thể

1. Bài thơ thể hiện suy tư về mẹ đặc biệt là về mối quan hệ mẹ và con (mẹ và quả), mẹ là người gieo trồng trên mảnh vườn cây, “vườn người”; quả và con là thứ thành quả chất chiu bao công sức của mẹ; Tiếng nói ân tình, bày tỏ niềm biết ơn với công lao, tâm đức của người mẹ
2. Điệp ngữ “những mùa quả” kết hợp với hình ảnh “lặn rồi lại mọc” đồng hiện mùa hoa trái theo thời gian và hình ảnh người mẹ như người gieo trồng, hái lượm tảo tần, chịu thương chịu khó qua năm tháng.
3. Hai câu thơ “Lũ chúng tôi từ bàn tay mẹ lớn lên...” tổ chức theo hình thức đối vừa tương đồng và tương phản (Lớn lên và lớn xuống), tạo ra sự chuyển nghĩa liên tưởng thú vị: Chúng tôi – con cái chính là một thứ quả mà mẹ cũng gieo trồng, chăm sóc tận tụy, hy sinh lặng thầm. Hóa ra mẹ không chỉ là người trồng vườn mà còn là người chăm sóc “cây người”
4. Hình ảnh “chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn” là kiểu hình ảnh so sánh, ví von dáng bầu bí như giọt mồ hôi mặn của mẹ. Đó là cách hình tượng hóa giọt mồ hôi nhọc nhằn, giọt mồ hôi xanh kết tụ từ những vất vả, hi sinh của mẹ. Câu thơ thắm ca ngợi công lao mà cũng là bày tỏ lòng biết ơn của con với mẹ.

ĐỀ SỐ 19. CHUYÊN THÁI BÌNH LẦN 3

Đọc đoạn văn bản rồi trả lời các câu hỏi:

Ông đồ Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc sông Đà đã 10 năm liền và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng khuyñh khuyñh gò lại như kẹp lấy cái cuống lái tưởng tượng. Giọng ông nói ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông. Nhõn giới ông vời vợi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Ông chở đò dọc, chở chè mạn, chè cối từ Mường Lay về Hòa Bình, có khi chở về đến tận bến Nửa Hà Nội. Ông bảo: Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dãi tay chân và buồn ngủ. Cho nên ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác sông Đà...

Trên dòng sông Đà, ông xuôi ngược hơn trăm lần rồi. Chính tay ông giữ lái đò độ sâu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sâu mái chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước, những con thác hiểm trở sông Đà, với người lái đò ấy, như thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc lòng từ dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm xuống dòng...

(Người lái đò sông Đà – Tuyển tập Nguyễn Tuân – NXBVH 2008)

1. Xác định thể loại văn bản và những phương thức biểu đạt của đoạn văn trên. Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như thế mang lại hiệu quả gì?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn.
3. Vì sao ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà? Điều đó chứng tỏ ông đò là người như thế nào?
4. Viết từ 3- 5 câu về tình cảm của tác giả với ông đò qua đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn văn bản rồi trả lời các câu hỏi:

Câu 1. - Thể loại văn bản: tùy bút.

- Những phương thức biểu đạt của đoạn văn: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

- Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt giúp nhà văn vừa tái hiện chân thực, sinh động đối tượng, sự việc vừa bày tỏ tư tưởng, tình cảm một cách dễ dàng, hiệu quả, giúp người đọc dễ hiểu, dễ tiếp cận.

Câu 2. - Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn: biện pháp so sánh.

- Tác dụng: Khắc họa ông lái đò với vẻ đẹp từng trải, hiểu biết, thành thạo nghề lái đò và nắm chắc đối tượng chiến đấu của mình.

Câu 3. - Ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà là vì “*Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dãi tay chân và buồn ngủ*”

- Điều đó chứng tỏ ông đò là người gan dạ, quen với việc đối mặt với hiểm nguy, biến những thử thách khó khăn trở thành thuận lợi.

Câu 4. Tình cảm của tác giả với ông đò:

Nguyễn Tuân khắc họa hình tượng người lái đò sông Đà với vẻ đẹp bình dị mà phi thường, như một biểu tượng đẹp của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước. Đó là một cách nhìn, một cách khám phá và khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời đại mới. Ca ngợi hình tượng người lái đò sông Đà chính là một cách tôn vinh tài năng, ý chí, nghị lực của con người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên.

ĐỀ SỐ 20. CHUYÊN HÒA BÌNH LẦN 2

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

DẶN CON

(Trần Nhuận Minh)

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn*

*Nhà mình sát đường, họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán*

*Mình tạm gọi là no ấm Ai
biết cơ trời vẫn xoay Lòng
tốt gửi vào thiên hạ Biết
đâu nuôi bố sau này...*

- Hãy cho biết thể thơ và cách gieo vần của bài thơ.
- Ý nghĩa của cách gọi “hành khất” mà không phải “ăn mày” ở câu thơ mở đầu?
- Việc lặp lại: “Con không... Con không...” ở khổ 1,2 thể hiện thái độ gì của nhân vật trữ tình?
- Hãy thử lí giải tại sao người cha lại dạy con: *Con không bao giờ được hỏi: Quê hương họ ở nơi nào.*
- Những lời chia sẻ trong khổ cuối gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì?
- Đọc bài thơ này, anh/chị có liên tưởng đến bài thơ nào đã học? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 dòng) bàn về những lời dạy quý giá của cha.

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

- Câu a.** Thể thơ: Tự do. Gieo vần chân.
- Câu b.** Cách gọi “hành khất” mà không phải “ăn mày” thể hiện thái độ tôn trọng của người cha với những người bị “giời đầy” chẳng may phải xin ăn trên phố, đồng thời cũng thể hiện niềm đồng cảm chân thành với nỗi bất hạnh của họ. Qua cách gọi ấy người cha cũng muốn con mình nhận ra nên có thái độ hành xử như thế nào cho đúng với những người cơ cực, khổ nghèo.
- Câu c.** Việc lặp lại “*Con không... Con không...*” ở khổ 1,2 là những câu khẳng định có ý nghĩa mệnh lệnh thể hiện thái độ nghiêm khắc căn dặn con của nhân vật trữ tình. Người cha muốn khắc sâu trong con những điều tuyệt đối không được làm khi gặp những người hành khất tránh gây nên sự tổn thương về tinh thần cho họ.
- Câu d.** Nguyên nhân khiến người cha dặn dò con: *Con không bao giờ được hỏi/ Quê hương họ ở nơi nào.*
- + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là nơi có họ hàng, làng xóm,... Ai cũng yêu, cũng muốn gắn bó với quê hương mình và khi đi xa thì tha thiết mong nhớ.
 - + Những người hành khất không may phải lang thang xin ăn, họ vì lí do nào đó mà phải xa quê, nên khi hỏi họ về quê hương là đắm sâu hơn vào nỗi đau tha hương của họ, khiến họ xót xa hơn cho tình cảnh thực tại nghiệt ngã của chính mình.
- => Qua lời dặn dò này, người cha dạy con cần phải có tình yêu thương con người, biết quý trọng con người. Không chỉ giúp đỡ những con người hành khất về vật chất, một người biết yêu thương cần phải biết đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu để không gây ra những tổn thương tinh thần cho họ.
- Câu e.** Những lời chia sẻ trong khổ cuối là lời dặn dò vô cùng ý nghĩa của người cha dành cho con:
- + *Mình tạm gọi là no ấm/Ai biết cơ trời vẫn xoay:* Gia đình mình chỉ “tạm” gọi là no ấm hơn những người hành khất tội nghiệp kia. Sự no ấm ấy chưa biết tồn tại được bao lâu bởi cuộc sống luôn “vẫn xoay” biến đổi...
 - + *Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này:* Con hãy sống giàu tình yêu thương, sẻ chia, trân trọng những người nghèo khổ, tu nhân tích đức, bởi biết đâu sau này bố cũng rơi vào tình cảnh như họ, và cũng được mọi người giúp đỡ, trân trọng như con đã làm.

=>Người cha đã đánh thức lòng trắc ẩn, tình yêu thương, khơi dậy lòng tốt không chỉ của con mình mà con của nhiều người khác.

Câu f. Bài thơ gọi nhớ đến bài “*Nói với con*” của Y Phương.

Đoạn văn cần kết cấu rõ ràng, mạch lạc, tập trung bàn về những lời dạy của cha:

Nội dung những lời dạy, ý nghĩa của những lời dạy.

ĐỀ SỐ 21. CHUYỆN HÀ TĨNH LẦN 1

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

[1] ... Năm 1902, Hà Nội trở thành Thủ đô của Liên bang Đông Dương thì tòa đốc lý càng chú ý đến bộ mặt đô thị. Dốc lý Baille Frédéric (năm quyền từ 1901-1903) ra quy định cây xanh trồng ở Hà Nội phải tuân theo tiêu chí: Có bóng mát, bảo đảm mỹ quan, không có nhựa, không đổ trước các trận bão vừa phải. Bên cạnh đó là tùy theo chiều cao quy định cho các phố để chọn giống cây phù hợp. Quy định cũng có điều khoản phạt tiền với những hành vi phá hoại cây xanh. Và thử thách đầu tiên đối với cây xanh Hà Nội là trận bão mạnh quét qua Hà Nội ngày 7-6-1903 làm gãy và đổ nhiều cây quanh Hồ Gươm và phố Ngô Quyền.

[2] Chính quyền cũng thí điểm qua cây xanh tạo ra kiến trúc đô thị nên phó Trần Hưng Đạo, Lê Thánh Tôn, đầu phố Hàng Bài đã trồng sấu, phố Quán Thánh trồng toàn hoa sữa, phố Lý Thường Kiệt chỉ trồng cây com nguội, nửa đầu phố Lò Đúc trồng sao đen...cây xà cừ không ưa ẩm, trồng ở các khu đất cao. Khi cây đã lớn cho bóng mát thì nhiều giống cây đã lộ ra “*khuyết điểm*”. Cây xà cừ lớn nhanh, tán rộng ở Châu Phi có bộ rễ cọc nhưng khi trồng tại Hà Nội, do đất có độ ẩm cao nên rễ lại ăn ngang, có cây rễ ăn cả vào móng các nhà mặt phố nên khả năng chịu bão kém. Sấu khó trồng, lâu lớn nhưng có ưu điểm thân khá thẳng, tán cũng rộng, dễ ăn mới lan ngang, lá hình mắt nai lại xanh thẫm rất đẹp. Cuối mùa xuân, hoa nhỏ li ti màu trắng nở rộ trắng vỉa hè tỏa mùi thơm dịu, làm ngây ngất người đi qua. Đặc biệt, quả sấu xanh có vị chua được dùng để luộc rau, nấu canh hay ngâm đường làm nước giải khát. Cây sao đen có rễ cọc, chặm lớn nhưng bù lại thân thẳng, hàng sao thẳng tắp nom khỏe khoắn và uy nghi. Cây com nguội lại toát lên vẻ chân chất, mùa thu lá vàng rất đẹp nhưng nhược điểm là lâu năm thì thân cây tự mục rỗng, vì thế những năm 70 thế kỷ XX, thành phố đã ưa chuộng com nguội ở phố Lý Thường Kiệt trồng thay vào đó là phượng. Hàng cây sữa ở phố Quán Thánh đến nay cũng đã quá già cỗi, trên ngọn chỉ còn vài ba cành lơ thơ. Muồng sẫm nở hoa vàng rất đẹp nhưng lại giòn, gió lớn dễ bị gãy ngang thân. Cọ nhập từ châu Phi cho cảm giác khát khao bầu trời, khát khao tự do nhưng khi lá rụng rất nguy hiểm. Bàng lâu lớn, có sấu róm nhưng bù lại tán rộng. Còn bàng lẵng khi đâm chồi, lá non màu ánh tím rất lạ và đẹp... Họ cũng rút ra bài học cây lá nhỏ như me, muồng lá rụng, không gây tắc cống như những giống lá to.

[3] Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “*xã hội hóa*” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về bán cho nhân viên lục lọi đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước...

(Nguồn: Trang hanoimoi.com.vn)

a. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt nào? (0,25 điểm)

b. Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau: **(0,25 điểm)**

[1] Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “xã hội hóa” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về bán cho nhân viên lục lọi đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước...

c. Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? **(0,5 điểm)**

d. Từ văn bản anh/chị có suy nghĩ gì về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội? **(0,5 điểm)**

2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hà Nội và cây...

Lê Thống Nhất

*Hà Nội không còn tiếng ve
Không tán cây che hè phố
Hà Nội không mùi hoa sữa
Ban trưa đổ lửa lên đầu*

*Hà Nội sáu chẳng còn đâu
Ngẩn ngơ nổi sầu con gái
Hà Nội gió xe trống trải
Nơi đâu sót lại phượng hồng*

*Hà Nội lạnh ngắt đêm đông
Con gió chạy không gì cản
Hà Nội mùa thu sạch lắm
Lá vàng cũng chẳng hề rơi*

*Bao bài hát hay một thời “Xào
xạc” thành lời khó hiểu Bao vẫn
thơ vương nhịp điệu Hương thầm
vắng thiếu trên tay*

*Bao bức tranh vẽ hôm nay
Chẳng còn bóng cây quen thuộc
Con hè chỉ còn hàng cột
Trên đầu dây buộc ngổn ngang*

*Hà Nội cây non xếp hàng
Đồng phục là vàng tâm đầy
Tiện lợi và hay biết mấy
Khỏi treo biển nói cây gì...*

*Thời gian rồi cũng trôi đi
Cây non sẽ thành cỏ thụ
Đời chắt học theo sách cũ*

Chặt cây mọi phố, lại trồng...

(Nguồn: Facebook Lê Thống Nhất)

- a/ Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)
b/ Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên có đặc điểm gì? (0,25 điểm)
c/ Trong văn bản trên có sự lặp lại nhiều lần của hai từ “không” và “chẳng”. Anh/chị hãy nêu ý nghĩa của hai từ này trong việc thể hiện cảm xúc của tác giả. (0,5 điểm)
d/ Từ hai văn bản đã cho, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình về sự kiện cây xanh Hà Nội bị đốn chặt trong thời gian vừa qua. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu a. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu b. Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:

- + Phép nối bằng các quan hệ từ: *Tuy nhiên, và.*
 - + Phép lặp: Lặp lại các từ *cây, trồng cây, cây xanh, Hà Nội, quy định,...*
 - + Phép thế: Dùng từ "*thành phố*" thay cho "*Hà Nội*"
-

Câu c. Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề cây xanh ở thành phố Hà Nội xưa và nay: những quy định về việc trồng cây xanh, ưu nhược điểm của từng loại cây, tác dụng của việc trồng cây.

Câu d. Suy nghĩ về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội:

- + Giảm bớt cái nóng mùa hè.
- + Làm cho không khí trong lành, góp phần bảo vệ môi trường.
- + Làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn, làm nên nét riêng, ấn tượng riêng cho đường phố Hà Nội.

ĐỀ SỐ 22 . CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH LẦN 1

Phân tích những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin sau:

Cận cảnh khu chung cư sinh viên hiện đại giá 200 nghìn đồng /tháng ở Hà Nội

Đây là căn phòng kiểu mẫu có diện tích 45m vuông, trong đó, phòng ở chính 28,5 mét vuông, còn lại là nhà tắm và nhà vệ sinh có thể bố trí cho 6 sinh viên. Mỗi sinh viên chỉ phải trả 215 nghìn một tháng, chưa tính tiền điện nước và phí dịch vụ... Khu nhà ở sinh viên Mỹ Đình nằm trong khu đô thị Mỹ Đình II gồm có 03 tòa nhà cao 21 tầng và 01 tầng hầm, có thể phục vụ nơi ăn ở cho hơn 7 nghìn sinh viên. Đối tượng được thuê gồm học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, không phân biệt công lập hay ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

(Báo Dân trí, 13/1/2015)

ĐÁP ÁN

1 Phân tích những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin

Đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ báo chí trong bản tin:

- Tính thông tin thời sự: Nói về khu chung cư sinh viên hiện đại giá 200 nghìn đồng /tháng ở Hà Nội. Đây là vấn đề thu hút được sự quan tâm, chú ý của nhiều người, đặc biệt là học sinh, sinh viên.
- Tính ngắn gọn: Chỉ một đoạn văn ngắn nhưng cung cấp đầy đủ, chi tiết mọi thông tin về khu chung cư cho người đọc.
- Tính hấp dẫn: ở nhan đề, khơi gợi sự bất ngờ, kích thích sự tò mò của độc giả.

ĐỀ SỐ 23. CHUYÊN SƯ PHẠM LẦN 4

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi dưới đây

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.”*

(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ?
2. Cách xưng hô “con” và “nhân dân” trong đoạn thơ trên có ý nghĩa như thế nào?
- 3 Chỉ ra và phân tích giá trị các biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN

Câu I (3,0 điểm)

Ý CHÍNH

1. Ý chính của đoạn thơ trên nhằm thể hiện niềm vui sướng và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ trong hành trình "phá cô đơn ta hòa hợp với người", khi gặp lại nhân dân mình, đất nước mình.
2. Cách xưng hô "con" và "nhân dân" thể hiện thái độ khiêm nhường trước công ơn lớn lao của nhân dân, của Đảng, của Bác Hồ....., của một nhà thơ Mới được gắn bó với đất nước mình, một sự hồi sinh cho sáng tạo thơ ca.
3. Biện pháp tu từ so sánh, liệt kê mang lại sức hấp dẫn cho thơ bởi hình ảnh trùng phức, giàu chất suy tưởng, cũng như cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ. Ý thơ trở lên phong phú hơn, sức gợi mở nhờ liên tưởng mang vẻ đẹp trí tuệ cho thơ Chế Lan Viên.

ĐỀ SỐ 24: CHUYÊN SƠN TÂY LẦN 2

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Tại thể vận hội đặc biệt Seattle (dành cho người tàn tật) có chín vận động viên vừa bị tổn thương về vật chất và tinh thần, cùng tập trung trước vạch xuất phát để chuẩn bị cho cuộc đua 100km. Khi súng hiệu nổ tất cả đều lao đi với quyết tâm chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ bị vấp té liên tục trên đường đua và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này em sẽ thấy tốt hơn.

Cô gái nói xong, cả chín người cùng khoác tay nhau sánh bước về vạch đích.

Khán giả trong sân vận động đồng loạt đứng dậy.

Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội nhiều phút liền.

Mãi về sau những người chứng kiến vẫn truyền tai nhau về câu chuyện cảm động này.

(Nguồn Internet)

Câu 1. Đặt nhan đề cho văn bản. (0.25 đ)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản.(0.25 đ)

Câu 3. Câu “Trừ một cậu bé” thuộc kiểu câu gì? Nêu tác dụng. (0.5đ)

Câu 4. Tại sao khán giả trong sân khi chứng kiến câu chuyện lại vỗ tay vang dội nhiều phút liền và truyền tai nhau về câu chuyện cảm động này? (0.5đ)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8: [ID 95743]

Lá đỏ

- Nguyễn Đình Thi -

Gặp em trên cao lộng gió

Rừng Trường Sơn ào ào lá đỏ

Em đứng bên đường như quê hương

Vai áo bạc quàng súng trường.

Đoàn quân vẫn đi vội vã

Bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa.

Chào em, em gái tiền phương

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.

Em vẫy tay cười đôi mắt trong.

(Trường Sơn, 12/1974)

Câu 5. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,25đ)

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ *Em đứng bên đường như quê hương*? (0,25đ)

Câu 7. Không khí hành quân hào hùng, thần tốc được gợi lên qua hình ảnh nào? Từ hình ảnh này, anh/chị có thể liên tưởng đến hình ảnh nào trong một bài thơ đã học? (0,5đ)

Câu 8. Cảm nhận của anh chị về những dự cảm và niềm tin tất thắng của dân tộc qua bài thơ? (viết 5 - 7 dòng)(0,5 đ)

ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Chiến thắng/ Sự chiến thắng/ Tinh thần chiến thắng
- Câu 2.** Phương thức tự sự.
- Câu 3.** - Câu đặc biệt
- Tác dụng: Gây sự chú ý và nhấn mạnh “chính cậu bé chứ không phải ai khác trong số chín vận động viên..”
- Câu 4.** - Vì cách hành xử của các vận động viên
- Vì cảm động và cảm nhận được bài học về sự chiến thắng: chiến thắng vinh quang nhất chính là ct bản thân mình.
- Câu 5.** Bài thơ được viết theo thể thơ tự do.
- Câu 6.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Em đứng bên đường như quê hương* là biện pháp so sánh
- Câu 7.** - Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh: *đoàn quân đi vội vã; bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa*
- Thí sinh có thể liên hệ với hình ảnh trong bài thơ khác nhau, ví dụ bài Việt Bắc (*Quân đi điệp điệp trùng trùng. Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*)
- Câu 8.** - Phân tích câu thơ “*Chào em cô gái tiền phương , hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn*”, “*Em vẫy tay cười đôi mắt trong*”.

ĐỀ SỐ 25. CHUYÊN NGUYỄN HUỆ LẦN 3

1. Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

Trên những trang vở học sinh

Trên bàn học trên cây xanh

Trên đất cát và trên tuyết

Tôi viết tên em

...Trên sức khỏe được phục hồi

Trên hiểm nguy đã tan biến

Trên hi vọng chẳng vẩn vương

Tôi viết tên em

Và bằng phép màu một tiếng

Tôi bắt đầu lại cuộc đời

Tôi sinh ra để biết em

Để gọi tên em

TỰ DO

(*Tự do* – Pôn Ê-luy-a - SGK Ngữ văn 12, cơ bản, tập 1, tr. 120)

Câu 1. Cho biết đoạn thơ trên thuộc thể thơ nào? (0,25 điểm)

Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên (0,25 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy giải thích ngắn gọn mục đích của tác giả khi viết từ *TỰ DO* ở cuối bài thơ bằng chữ in hoa?(0,5 điểm)

2. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

“Tủ rượu” của người Việt và “tủ sách” của người Do Thái

“(1) Hôm rồi tôi có dịp ghé nhà một ông tá hải quân cùng quê chơi. Ông hiện phụ trách quân lực của cả một vùng. Ông vừa cất xong ngôi nhà (biệt thự thì đúng hơn) và sắm xe hơi mới. Bước vào phòng khách ngôi nhà, đập vào mắt tôi chính là chiếc tủ rượu hoành tráng được gắn sát chiếm diện tích gần nửa bức tường chính diện. Thôi thì đủ thương hiệu rượu danh tiếng: từ Chivas, Hennessy, Napoleon, Johnnie Walker cho tới Vodka xịn tận bên Nga... được gia chủ bày khá ngay ngắn trên kệ. Ông đi giới thiệu cho chúng tôi xuất xít từng chai rượu: chai này thằng bạn đi nước ngoài về tặng, chai kia đồng nghiệp cho, chai nọ do cấp dưới biếu với giọng khá hào hứng cũng như thể hiện sự am hiểu về rượu ngoại....

...(2) Câu chuyện thứ hai tôi muốn đề cập với các bạn thói quen đọc sách của người Do Thái. “Trong mỗi gia đình Do Thái luôn luôn có 1 tủ sách được truyền từ đời này sang đời khác. Tủ sách phải được đặt ở vị trí đầu giường để trẻ nhỏ dễ nhìn, dễ thấy từ khi còn nằm nôi. Để sách hấp dẫn trẻ, phụ huynh Do Thái thường nhỏ nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho các em chú ý.” Tác giả Nguyễn Hương trong bài “Người Việt ít đọc sách: Cần những chính sách để thay đổi toàn diện” (đăng trên trang tin điện tử Cinet.com của Bộ VH-TT-DL) kể với chúng ta như vậy.

...(3) Câu chuyện về cái “tủ rượu” của ông tá hải quân trong câu chuyện đầu bài và cái “tủ sách” của người Do Thái, hay câu chuyện “văn hóa đọc” của người Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với khoảng cách phát triển hiện tại giữa chúng ta với thế giới. Để đất nước và con người Việt Nam phát triển về mọi mặt, bền vững, việc đầu tiên là phải làm sao để “văn hóa đọc” của người Việt lan tỏa và thăng hoa, tạo thói quen đọc sách và yêu sách. Muốn phát triển như Âu-Mỹ, Nhật hay người Do Thái, trước hết phải học hỏi văn hóa đọc từ họ. Phải làm sao nhà nhà đều có “tủ sách” để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là “tủ rượu” để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trọc phú. Mọi thay đổi phải bắt đầu từ thế hệ trẻ.”

(Dẫn theo <http://vanhoagiaoduc.vn/tu-ruou-cua-nguoi-viet-va-tu-sach-cua-nguoi-do-thai-19029.html>)

Câu 5. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6. Các ý trong đoạn trích trên được trình bày theo kiểu nào? (0,25 điểm)

Câu 7. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của toàn bộ đoạn trích trên (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 giải pháp để phát triển “văn hóa đọc” của người Việt. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

- Câu 1.** Đoạn thơ trên thuộc thể thơ tự do.
- Câu 2.** Hai biện pháp tu từ: điệp từ (*trên, tôi, em*); lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ *Tôi viết tên em...*) hoặc nhân hóa (gọi *tự do* là *em*)...
- Câu 3.** Đoạn thơ bộc lộ tình yêu Tự do tha thiết, mãnh liệt của tác giả.
- Câu 4.** Tác giả viết hoa từ TỰ DO ở cuối bài nhằm mục đích:
- Thể hiện sự thiêng liêng, cao cả của hai tiếng TỰ DO
 - Nhấn mạnh đề tài của bài thơ, giải thích tình cảm gắn bó, khao khát, tôn thờ, ... của tác giả dành trọn cho TỰ DO. TỰ DO là tất cả những gì ông mong mỏi, mơ ước mọi lúc, mọi nơi
- Câu 5.** Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.
- Câu 6.** Các ý trong đoạn trích trên được trình bày theo kiểu quy nạp.
- Câu 7.** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Phải làm sao nhà nhà đều có “tủ sách” để tự hào và gieo hạt, chứ không phải là “tủ rượu” để khoe mẽ vật chất và phô trương cái tư duy trọc phú.*
- Câu 8.** Nêu ít nhất 02 giải pháp để phát triển “văn hóa đọc” của người Việt theo quan điểm riêng của bản thân, không nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 26. CHUYÊN NGUYỄN BÌNH KHIÊM QUẢNG NAM

Đọc đoạn trích sau đây và thực hiện các yêu cầu:

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*...- Phạm Lữ Ân)

- Câu 1.** Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0,5 điểm)
- Câu 2.** Xác định câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn. (0,5 điểm)
- Câu 3.** Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn trích. (0,25 điểm)
- Câu 4.** Cho mọi người biết giá trị riêng (thể mạnh riêng) của bản thân bạn. Trả lời trong khoảng từ

3 – 4 câu. (0,25 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Biết khao khát những điều anh mơ ước
Biết xúc động qua nhiều nhận thức
Biết yêu anh và biết được anh yêu*

*Mùa thu nay sao bão mưa nhiều
Những cửa sổ con tàu chẳng đóng
Dải đồng hoang và đại ngàn tối sẫm
Em lạc loài giữa sâu thẳm rừng anh*

(Trích **Tự hát** - Xuân Quỳnh)

Câu 5. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 6. Nêu ý nghĩa của câu thơ *Biết khao khát những điều anh mơ ước*. (0,5 điểm)

Câu 7. Trong khổ thơ thứ nhất, những từ ngữ nào nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”? (0,25 điểm)

Câu 8. Điều giải bày gì trong hai khổ thơ trên đã gợi cho anh chị nhiều suy nghĩ nhất? Trả lời trong khoảng từ 3 - 4 câu. (0,25 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Phương thức nghị luận.

Câu 2. Câu "*Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn*". Có thể dẫn thêm câu: Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

Câu 3. Điểm giống nhau về cách lập luận: lập luận theo hình thức đưa ra giả định về sự không có mặt của yếu tố thứ nhất để từ đó khẳng định, nhấn mạnh sự có mặt mang tính chất thay thế của b.

Câu 4. Câu này có đáp án mở, tùy thuộc cách trả lời và nhận định của người chấm.

Câu 5. Biện pháp điệp từ "biết" [lấy lại 3 lần] và ẩn dụ.

Câu 6. Ý nghĩa: xuất phát từ tình yêu và sự tôn trọng đối với người mình yêu, nhân

vật “em” đồng cảm và sống hết mình với ước mơ của người mình yêu.

Câu 7. Những từ: khao khát, xúc động, yêu.

Câu 8. Có thể là: niềm hạnh phúc hoặc nỗi lạc loài vì cảm thấy mình nhỏ bé và cô đơn;...

ĐỀ SỐ 27. CHUYÊN NGUYỄN QUANG DIỆU ĐỒNG THÁP LẦN 1

“Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?” (Trích Vợ nhặt - Kim Lân)

Đọc đoạn trích trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn. (0,5 điểm)
2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? (0,5 điểm)
3. Xác định thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ đó . (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn trích trong truyện ngắn Vợ nhặt và thực hiện các yêu cầu

Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể loại truyện ngắn để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được nội dung chính của văn bản, nhận ra các phương thức biểu đạt trong đoạn trích và nghệ thuật sử dụng thành ngữ của nhà văn.

Yêu cầu cụ thể

- Câu 1.** Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: biểu cảm, tự sự, miêu tả.
- Câu 2.** Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản diễn tả tâm trạng bà cụ Tứ khi biết con trai (nhân vật Tràng) “nhặt” được vợ.

Câu 3. - Các thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn: *dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, ăn nên làm nổi.*

- Hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ: các thành ngữ dân gian quen thuộc trong lời ăn tiếng nói nhân dân được sử dụng một cách sáng tạo, qua đó dòng tâm tư của người kể hòa vào với dòng suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ; suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trở nên thật gần gũi, được thể hiện rất tự nhiên; nỗi lòng, tâm trạng của người mẹ thương con thật được diễn tả thật chân thực.

ĐỀ SỐ 28. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH LẦN 2

Đọc văn bản:

Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, cần phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội. Trước hết, trong mỗi gia đình, bố mẹ phải có ý thức uốn nắn lời ăn tiếng nói hàng ngày của con cái. Nếu bố mẹ nói năng không chuẩn mực, thiếu văn hóa thì con cái sẽ bắt chước. Đặc biệt, trong nhà trường, việc rèn giũa tính chuẩn mực trong sử dụng tiếng Việt cho học sinh phải được xem là một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên... Ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng cũng phải tuyên truyền và nêu gương trong việc sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực, đồng thời tích cực lên án các biểu hiện làm méo mó tiếng Việt.

Trả lời các câu hỏi:

- Đoạn văn trên đề cập đến vấn đề gì? (0,25 điểm)
- Tại sao trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội? (0,25 điểm)
- Theo anh (chị), chuẩn mực tiếng Việt được thể hiện ở những mặt nào? (0,5 điểm)
- Viết một đoạn văn ngắn trình bày nhiệm vụ của người học sinh trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. (0,5 điểm)

2) Đọc văn bản sau đây và trả lời các câu hỏi ở dưới:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*

(*Từ ấy* – Tố Hữu, *Ngữ văn 11*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 44)

- Xác định phương thức biểu đạt của văn bản. (0,25 điểm)
- Dựa vào đâu để nhận ra biện pháp so sánh và biện pháp ẩn dụ trong văn bản? (0,25 điểm)
- Nêu ý chính của văn bản. (0,5 điểm)

d) Hãy viết một đoạn văn ngắn nói về vai trò của lí tưởng đối với sự phấn đấu của con người trong cuộc sống. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

Câu a. Đoạn văn đề cập vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Câu b. Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải huy động sự tham gia tích cực của gia đình, nhà trường và xã hội là vì: gia đình, nhà trường, xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chuẩn mực ngôn ngữ cho cộng đồng. Đó cũng là nơi những biểu hiện lệch lạc trong cách sử dụng tiếng Việt được điều chỉnh, uốn nắn một cách tích cực và có hiệu quả.

Câu c. Chuẩn mực tiếng Việt được thể hiện toàn diện trên các mặt: ngữ âm - chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phát âm đúng; viết đúng hình thức văn tự của từ; sử dụng từ ngữ chuẩn xác; đặt câu đúng ngữ pháp tiếng Việt; dùng tiếng Việt, tạo lập các kiểu loại văn bản phù hợp với những bối cảnh giao tiếp khác nhau).

Câu d. Đoạn văn cần viết ngắn gọn, các câu đúng ngữ pháp và liên kết chặt chẽ để làm nổi bật chủ đề: trách nhiệm của học sinh trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Các ý có thể có: tự mình phải thường xuyên học tập để có thể nói đúng, viết đúng; góp phần vào việc ngăn chặn những xu hướng tiêu cực đang làm méo mó tiếng Việt.

Câu 2. Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

Câu a. Văn bản sử dụng phương thức *biểu cảm* (hoặc *trữ tình*).

Câu b. Biện pháp so sánh trong đoạn thơ được nhận ra nhờ từ “là” kết nối hai vế: đối tượng so sánh và hình ảnh so sánh (*Hồn tôi là một vườn hoa lá...*).

Biện pháp ẩn dụ được nhận ra nhờ hai hình ảnh: *nắng hạ* và *mặt trời chân lí* có khả năng gợi liên tưởng tới một đối tượng khác có nhiều nét tương đồng. Trong đoạn thơ, *nắng hạ* và *mặt trời chân lí* ngầm chỉ ánh sáng của lí tưởng cách mạng.

Câu c. Ý chính của văn bản: bộc lộ niềm vui sướng khi bắt gặp lí tưởng cách mạng; thể hiện những thay đổi của tâm hồn lúc được “mặt trời chân lí” rọi chiếu đến.

d Đoạn văn cần viết gọn, các câu đúng ngữ pháp, liên kết với nhau để làm nổi bật ý chính: lí tưởng có vai trò quan trọng đối với sự phấn đấu của mỗi người trong cuộc sống. Nó là sự định hướng, là ngọn đèn soi đường để con người đi tới đích cuối cùng mà mình đã chọn.

ĐỀ SỐ 29. CHUYỆN SỰ PHẠM LẦN 5

Vấn bản 1: Đọc bài thơ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan.

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.

Sột soạt gió trêu tà áo biếc,

Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời.

Bao cô thôn nữ hát trên đồi;

– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.....

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi

Hồn hển như lời của nước mây.....

Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,

Nghe ra ý vị và thơ ngây.....

Khách xa vừa lúc mùa xuân chín,

Lòng trí băng khuân sực nhớ làng.

– Chị ấy năm nay còn gánh thóc.

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang ?

(Hàn Mạc Tử)

Câu 1. Chủ đề của bài thơ trên là gì?

Câu 2. Câu thơ *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời* gợi anh/chị liên tưởng tới câu thơ nào, của ai? Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai câu thơ.

Câu 3. Phân tích biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi,

Hồn hển như lời của nước mây

Câu 4. Lý giải tại sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là “*Mùa xuân chín*”?

Văn bản 2: Đọc văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi từ câu 5 đến câu 6:

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù quay lưng lại chống lại ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi có thể là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi thân thiết ta nhất, những người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được, rồi sẽ mất đi. Nó mất đi đúng vào lúc ta cần đến nó nhất. Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động sai lầm. Những kẻ phủ tục tôn vinh ta khi ta còn thành đạt có thể sẽ là những kẻ đầu tiên ném đá và tao khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn hoàn toàn không vụ lợi mà con người có được trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ ta đi, không bao giờ tỏ ra vô ơn hay tráo trở, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh, cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi ta va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân bại danh liệt thì vẫn con chó trung thành với tình yêu của nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận đá ta ra rìa xã hội, không bạn bè, , vô gia cư thì con chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó làm kẻ bảo vệ ta trước hiểm nguy, giúp ta chống lại kẻ thù. Và một khi trò đời hạ màn, thân chết rước linh hồn ta đi để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, khi tất cả thân bằng quyến thuộc đã phui tay sau nắm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ thì khi ấy còn bên nắm mồ ta con chó cao thượng của ta nằm gục mồm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở ra cảnh giác, trung thành ngay khi cả ta đã mất rồi.

Câu 5. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt đại chính là gì? Nêu chủ đề văn bản

Câu 6. Chỉ ra phương tiện liên kết văn bản trong đoạn văn sau: “Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta hứng chịu khi va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng dù ta có là một gã ăn mày”.

ĐÁP ÁN

Câu I. Đọc các văn bản dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Chủ đề: Bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.

Câu 2. Câu thơ Hàn Mạc Tử gợi liên tưởng đến hai câu thơ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

- Điểm giống nhau: đều miêu tả hình ảnh có mùa xuân với không gian rộng mở đến chân trời.

- Khác nhau: Câu thơ Hàn Mạc Tử động hơn, ở đó sắc xanh của trời và màu xanh của cỏ hòa vào làm một với nhau.

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là: nhân hóa, so sánh. Học sinh cần nêu được tác dụng của những biện pháp tu từ này: thể hiện được thần thái của tiếng hát mùa xuân vừa hồn nhiên trong trẻo vừa thiết tha rạo rức.

Câu 4. Tác giả đặt tên cho bài thơ là "*Mùa xuân chín*" với ý nghĩa: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân trong bài thơ đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất. Nhưng trạng thái đó cũng đồng nghĩa với việc mùa xuân đang và sẽ trôi qua, cái đẹp không tồn tại vĩnh hằng, mãi mãi, để lại trong lòng nhà thơ sự nuối tiếc khôn nguôi.

Câu 5. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận. Chủ thể văn bản: sự trung thành tuyệt đối, lối sống đặc biệt nghĩa tình đáng để cho con người suy ngẫm của loài chó.

Câu 6. Phương thức liên kết được sử dụng trong đoạn văn bản là: thế và lặp.

+ Phép thế: "Nó" thay cho "Con chó"

+ Phép lặp: "Nó", "ta"

Câu II. Nếu bạn sinh ra trong nghèo khó đó không phải là lỗi của bạn, nhưng nếu bạn chết trong nghèo khó đó mới chính là lỗi của bạn. (Bill Gate)

Câu 1. Giải thích ý kiến:

- "*Nếu bạn sinh ra trong nghèo khó đó không phải là lỗi của bạn*": bởi con người không thể lựa chọn người sinh ra mình, không thể lựa chọn cho mình gia đình giàu có hay nghèo khổ.

- "*Nhưng nếu bạn chết trong nghèo khó đó mới chính là lỗi của bạn*": Bởi mỗi người đều có quyền và có thể làm chủ cuộc sống của mình, tự quyết định cuộc đời mình.

=> Câu nói có hai vế, trọng tâm nội dung biểu đạt nằm ở vế sau. Tỷ phú nổi tiếng người Mỹ Bill Gate đặt ra một giả định để từ đó đưa ra quan điểm của mình: Con người phải làm chủ vận mệnh của bản thân.

Câu 2. Phân tích, bình luận vấn đề:

- Chúng ta có thể xuất thân nghèo khó. Có người coi đó là lí do để ý lại, dựa vào đó để bao biện cho sự lười biếng, trì trệ của bản thân. Có người lại coi đó là động lực để vươn lên, cải thiện cuộc sống. Như vậy, lựa chọn thái độ sống như thế nào là ở mỗi người.

- Người ta nói rằng: *“kiếm tiền là chuyện của tài năng...”*. Con người có thể kiếm ra đồng tiền bằng sức lao động chân chính (lao động chân tay và lao động trí óc), bằng sự cần cù, nhẫn nại, bằng quyết tâm làm giàu và những nỗ lực không ngừng nghỉ.....Để không rơi vào tình cảnh nghèo khó, người ta còn phải biết sử dụng đồng tiền phù hợp, biết tiết kiệm... tích cóp...

- Tóm lại, nếu bạn để mình chết đi trong nghèo khó nghĩa là bạn hoặc đã không chăm chỉ cần cù làm lụng, phát huy năng lực của mình, hoặc đã thiếu kiên nhẫn, ý chí vươn lên, hoặc đã sử dụng đồng tiền không đúng cách.....tất cả những điều đó đều khiến bạn trở thành người đáng trách, có lỗi với chính cuộc đời mình.

Dẫn chứng: Rất nhiều người xuất thân nghèo khó đã trở nên giàu có hay ít nhất cũng có một cuộc sống ổn thỏa khi họ chăm chỉ làm lụng, quyết tâm thay đổi cuộc đời. Tác giả câu nói này là một trong những tỷ phú giàu nhất thế giới. Bản thân thành công của ông là một tấm gương, một bài học cho bất kì ai muốn và quyết tâm không chịu để mình *“chết trong nghèo khó”*.

- Tất nhiên, trong cuộc sống có những người *“chết trong nghèo khó”* nhưng không hoàn toàn do lỗi của họ (Rủi ro, thiên tai, tai nạn, cướp bóc, chiến tranh, bệnh tật.....)...Những con người như thế cần được đồng tâm chia sẻ.

Câu 3. Bài học nhận thức và hành động:

- Không phải ai cũng được sinh ra trong một gia đình có điều kiện kinh tế tốt. Không sao, điều đó không nói nên điều gì về con người của bạn. Vì bạn chính là người sẽ làm nên cuộc đời mình nên người đời chỉ đánh giá bạn qua việc bạn có để mình *“chết đi trong nghèo khó”* không.

- Câu nói có ý nghĩa khích lệ động viên rất lớn đối với tất cả mọi người, đặc biệt là những người xuất thân nghèo khó. Làm giàu là một khát vọng chính đáng và không phải là điều viển vông. Điều quan trọng là bạn phải có đủ ý chí, quyết tâm và ý thức về việc tìm ra cách nào đúng nhất, phù hợp nhất để kiếm tiền với bản thân mình.

ĐỀ SỐ 30. CHUYỆN HUỖNH MÃN ĐẠT KIÊN GIANG 2015

Đọc đoạn thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 3:

"Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả
Những chàng trai ra đảo đã quên mình
Một sắc chỉ về Hoàng Sa thuở trước
Còn truyền đời con cháu mãi đình ninh

Nếu Tổ quốc nhìn từ bao mắt mát
Máu xương kia dâng đặc suốt ngàn đời
Hồn dân tộc ngàn năm không chịu khuất
Dáng con tàu vẫn hướng mãi ra khơi"

(Trích **Tổ quốc nhìn từ biển** - Nguyễn Việt Chiến)

1. Nhân vật trữ tình đã gửi gắm cảm xúc, tâm tư gì vào đoạn thơ? (0,5 điểm)
2. Đoạn thơ mang đến cho người đọc nhận thức gì về Tổ quốc xưa và nay? (0,5 điểm)
3. Tìm và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ? (0,5 điểm)

Đọc các đoạn văn sau đây và thực hiện các yêu cầu từ 4 đến 6:

(1) "Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh"

(Trích **Chữ người tử tù**- Nguyễn Tuân)

(2) " Nhưng tức quá, càng uống càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sặc sụa, hẳn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức."

(Trích **Chí Phèo**- Nam Cao)

(3) " - Trống thúc thuế đấy. Đàng thì nó bắt giồng đay, đàng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ....- Bà lão ngoảnh vợ ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc."

(Trích **Vợ nhặt**- Kim Lân)

4. Xác định nội dung của từng đoạn văn bản? Tìm một câu khái quát đặt làm nhan đề chung cho các đoạn văn? (0,5 điểm)
5. Các đoạn văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Lí giải? (0,5 điểm)

6. Hãy viết một đoạn văn nhỏ (khoảng 5-7 dòng), bày tỏ cảm nhận về tác động của hình ảnh những giọt nước mắt trong các đoạn văn bản trên đối với anh/chị? (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

- Câu 1.** Nhân vật trữ tình đã gửi gắm những suy ngẫm, tự hào về lịch sử dân tộc, nhìn từ góc độ công cuộc giữ gìn biển đảo, trách nhiệm của mỗi con người trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hôm nay.
- Câu 2.** Đoạn thơ mang đến cho người đọc nhận thức về Tổ quốc xưa và nay: Một đất nước luôn phải đối đầu với nạn ngoại xâm, nhân dân phải hi sinh máu xương để bảo vệ từng tấc đất, thước biển nhưng vẫn bất khuất, hiên ngang.
- Câu 3.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ là phép điệp cú pháp (*Nếu Tổ quốc neo mình đầu sóng cả/ Nếu Tổ quốc nhìn từ bao mát mát*). Hiệu quả nhấn mạnh cảm xúc tự hào, suy ngẫm lắng đọng về lịch sử đau thương mà hùng tráng của dân tộc.
- Câu 4.** Nội dung của đoạn văn bản (1) là tái hiện thái độ kính cẩn, tiếng khóc nghẹn ngào, sấm hối, phục thiện của viên quản ngục ở phần cuối truyện ngắn *Chữ người tử tù*; đoạn văn bản (2) là tâm trạng buồn bã, tiếng khóc tuyệt vọng của nhân vật Chí Phèo khi bị từ chối quyền làm người trong truyện ngắn cùng tên; đoạn văn bản (3) là tâm trạng lo lắng, tuyệt vọng của nhân vật bà cụ Tứ khi nghe tiếng trống thúc thuế trong truyện ngắn *Vợ nhặt*? Câu văn khái quát đặt làm nhan đề cho các đoạn văn có thể là: *Những giọt nước mắt*.
- Câu 5.** Các đoạn văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Vì các đoạn văn đều xây dựng hình tượng (quản ngục, nhân vật Chí Phèo, nhân vật bà cụ Tứ); ghi dấu ấn riêng của mỗi nhà văn và truyền cảm xúc cho người đọc.
- Câu 6.** Viết một đoạn văn bày tỏ cảm nhận về tác động của hình ảnh những giọt nước mắt trong các đoạn văn bản trên đối với bản thân:
- Nội dung: Các đoạn văn bản là khơi gợi tình thương, sự cảm phục, nỗi xót xa trước những thân phận, cảnh đời... để từ đó, ta sống tốt hơn.
 - Hình thức: Viết đúng cấu trúc một đoạn văn: có câu mở đoạn, các câu thân đoạn và câu kết đoạn. Các phần liên kết chặt chẽ, văn có cảm xúc, diễn đạt tốt.

ĐỀ SỐ 31. CHUYÊN HÙNG VƯƠNG GIA LAI 2015 LẦN 1

Đọc đoạn trích sau:

“ Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy

những toa hạng trên sang trọng lơ nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đóm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm đỏ của chiếc đèn xanh trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông nhĩ, chị nhĩ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình khur kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xãm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyền náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.”

(Trích “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam)

Cảnh được miêu tả trong đoạn trích có những hình ảnh tương phản, anh(chị) hãy chỉ ra những hình ảnh tương phản đó (1,0 điểm)

Tâm trạng của hai chị em Liên được miêu tả trong đoạn trích có niềm khao khát gì? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Độc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Những hình ảnh tương phản trong đoạn trích:

- Tương phản giữa đoàn tàu và phố huyện
- Tương phản giữa ánh sáng và bóng tối

Câu 2. Niềm khao khát của chị em Liên:

- Khao khát về một thế giới giàu sang, nhộn nhịp, rực rỡ...
- Muốn thoát khỏi cuộc sống buồn tẻ, tăm tối nơi phố huyện.

ĐỀ SỐ 32. CHUYÊN SƠN TÂY 2015 LẦN 3

Độc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học)nhưng rất khổ đau và nặng nhọc đèo bồng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biển xãm lãng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi rón bề lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu, lấy rãì mình ra mà bao phủ lấy hạt đau, hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát khối tình con, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên?(0,5 điểm)

Câu 2 . Hãy giải thích ý nghĩa của hình ảnh “hạt cát khối tình con” (0,25 điểm)

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ nghệ thuật của đoạn văn trên? (0,25 điểm)

Câu 4 .Từ đoạn văn trên anh (chị) có thể rút ra bài học gì trong cuộc sống? Trả lời 5- 7 dòng (0,5 điểm)

Độc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 5 đến câu 8:

Ơi cơn mưa quê hương

*Đã ru hát tâm hồn ta từ thưở bé
Đã thấm nặng lòng ta những tình yêu chớm hé
Nghe tiếng mưa rơi trên tàu chuối bẹ dừa
Thấy mặt trời lên khi tạnh những cơn mưa
Ta yêu quá như lần đầu mới biết
Ta yêu mưa như yêu gì thân thiết
Như tre, dừa như làng xóm quê hương
Như những con người biết mấy yêu thương.*

(Lê Anh Xuân)

Câu 5. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên? (0,25 điểm)

Câu 6. Những hình ảnh nào thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả? Nêu nội dung chính của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 7. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 4 dòng thơ cuối của văn bản trên. (0,25 điểm)

Câu 8. Anh (chị) hiểu như thế nào về 2 câu thơ sau : “*Ơi cơn mưa quê hương - Đã ru hát tâm hồn ta từ thưở bé*”. Trả lời trong khoảng 5- 7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc, đèo bồng.

Câu 2. Ý nghĩa hình ảnh “*hạt cát khối tình con*” là kết quả của quá trình hình thành ngọc trai. Ý nghĩa sâu xa đó là để có được sự thành công trong cuộc sống thì con người phải trải qua rất nhiều gian nan, thử thách. Hoặc : để sinh thành ra đứa con thì bà mẹ phải trải qua sự vất vả, khó nhọc thậm chí sự hi sinh.

Câu 3. - Biện pháp tu từ nổi bật của đoạn văn trên là nhân hóa: (*Cái bụi bặm khách quan nơi rón bẻ lên vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước dãi bọc lấy cái hạt buốt sắc Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu, lấy rũi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau, hạt xót*).

- Biện pháp ẩn dụ: *hạt cát khối tình con*

Câu 4. Bài học cuộc sống từ văn bản trên:

+ Chúng ta luôn phải nhớ tới công lao sinh thành, sự hi sinh của cha mẹ và biết thương cha mẹ.

+ Để có được thành quả lao động thì con người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách.

- Câu 5.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức tự sự/ biểu cảm.
- Câu 6.** - Những hình ảnh thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương của nhà thơ: tiếng mưa rơi trên tàu chuổi bẹ dứa,, tre, làng xóm, những con người nơi quê hương tác giả.
- Nội dung của đoạn thơ: nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương qua những hình ảnh gần gũi, thân thuộc.
- Câu 7.** 2 biện pháp tu từ ở 4 dòng thơ cuối là điệp ngữ , so sánh.
- Câu 8.** Cách hiểu 2 câu thơ: cơn mưa quê hương đã gắn bó với nhà thơ, đó là lời ru ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn cho nhà thơ từ thưở ấu thơ.
Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 33. CHUYÊN ĐẠI HỌC VINH 2015 LẦN 3

Văn bản 1: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

THI THÔI XÔI NẤU CƠM

“Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh mơ ngày giáp tết. Hằng năm, dân làng phải tuyển 48 (trong số hàng trăm) trinh nữ cho đội đến Mã Cương. Sau tiếng trống lệnh, mỗi nữ sinh xuống một thuyền thúng (thúng trên đằm Giang Đình, mang theo kiềng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ướt và bã mía tươi). Các cô chèo ra giữa đằm, chuẩn bị bếp, vo gạo để chờ lệnh bắt đầu cuộc thi. Sau tiếng trống lệnh mới được nhóm lửa, các cô thổi cơm hay đồ xôi trước tùy ý, miễn là xong sớm để chèo thuyền vào nộp cơm và xôi cho Ban giám khảo. Nếu xong trước, xôi vẫn phải ngon, dẻo thì mới được điểm cao.

Khó khăn với các cô là ở chỗ nhóm bếp, thổi lửa. Phải giữ sao cho thuyền khỏi chòng chành, bếp lửa hướng ra phía gió để tắt. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức nhóm lửa bằng môi ướt, thổi lửa mỗi khi bếp tắt, cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió, giữ lửa cháy đều hòa, cách ước lượng thời gian. Các cô đốt những nén hương và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chõ xôi đã vừa chín chưa.

Nếu gặp mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả, còn nếu như mưa nặng hạt thì các cô sẽ được đưa lên bãi Giang Đình trú tài dưới những mái tranh. Cuộc thi diễn ra suốt buổi sáng.”

Câu hỏi:

1/ Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt gì? Dựa vào đâu để nhận ra phương thức ấy? (0,25 điểm)

2/ Đây là trò chơi dân gian truyền thống hay trò chơi hiện đại? Câu văn nào cho biết điều ấy? Kể tên các đồ dùng, vật liệu mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm mang theo? Trong những thứ ấy, có thứ gì khác thường? (0,25 điểm)

3/ Những khó khăn mà các cô gái tham gia thi thổi xôi nấu cơm gặp phải là gì? Điều đó đòi hỏi ở các cô gái những đức tính gì? (0, 5 điểm)

4/ Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của anh chị về việc phục hồi một số trò chơi dân gian trong những năm gần đây. (0,5 điểm)

Văn bản 2: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8:

“Tình dậy hắt thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắt đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắt đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắt, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắt, đôi rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đôi rét và ốm đau.”

(Chí Phèo – Nam Cao)

Câu hỏi:

5/ Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Nêu nội dung của đoạn văn? (0,25 điểm)

6/ Nêu cụ thể những câu trần thuật, câu cảm thán, câu nghi vấn trong đoạn văn trên. Việc kết hợp sử dụng nhiều kiểu câu như vậy có tác dụng gì? (0,5 điểm)

7/ Hãy chỉ ra những hình ảnh ẩn dụ và hình ảnh so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên? (0,25 điểm)

8/ Viết 1 đoạn văn ngắn về chủ đề: Sự thức tỉnh của Chí Phèo. (0, 5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Văn bản 1:

Câu a. Văn bản trên sử dụng phương thức thuyết minh. Dấu hiệu để nhận biết: văn bản giới thiệu đầy đủ về địa danh, thời gian, thành phần, nguyên vật liệu và các bước tiến hành một hội thi.

Câu b. Hội thi thổi xôi nấu cơm là một trò chơi dân gian truyền thống. Câu “*Đây là một trong những môn thi để tuyển nữ quan ở thôn Hạc Đình, Hoằng Hoá, Thanh Hoá*” cho ta biết điều đó. Những đồ dùng mà các cô gái mang theo khi thi thổi xôi nấu cơm gồm: *kiêng, nồi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ cùng rom ước và bã mía tươi*. Trong những thứ ấy, rom ước, bã mía – nhiên liệu dùng để đun bếp là thứ khác thường.

Câu c. Những khó khăn mà các cô gái gặp phải trong trò chơi này là: một mình nổi lửa đun bếp trong một chiếc thuyền thúng chòng chành giữa đầm lộng gió, phải đun bếp bằng rơm ướt và bã mía là những thứ rất khó cháy. Những điều đó đòi hỏi ở các cô gái sự thông minh, khéo léo, kiên trì, chịu khó.

Câu d. Đoạn văn phải được viết bằng những câu đúng ngữ pháp, các câu liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm nổi bật chủ đề. Chủ đề của đoạn văn có thể là: việc phục hồi những trò chơi dân gian trong thời gian gần đây đã có tác dụng tích cực trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

(Lưu ý: Thí sinh cũng có thể trình bày chủ đề khác, miễn là hợp lý).

Câu 2. Văn bản 2:

Câu a. Đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Ý chính của đoạn văn: Chí Phèo thức tỉnh.

Câu b. - Những câu trần thuật trong đoạn: *Tỉnh dậy hắn thấy hắn già mà vẫn còn cô độc... Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dầu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc, mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.*

- Những câu nghi vấn: *Có lí nào như thế được ? Hắn đã già rồi hay sao ?*

- Câu cảm thán: *Buồn thay cho đời !*

Việc đan xen nhiều loại câu như vậy làm cho lời kể trở nên nhiều giọng (đa thanh), thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc. Cũng nhờ vậy, hiện trạng cuộc đời của Chí Phèo được soi từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Câu c. - Trong đoạn văn, *cái dốc bên kia của đời, cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến* là những hình ảnh ẩn dụ.

- Cả câu *Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến* là một câu trúc so sánh. Như vậy, ở đây hình ảnh có tính ẩn dụ được dùng trong một câu văn sử dụng phép so sánh.

Câu d. Đoạn văn phải được viết bằng những câu đúng ngữ pháp, liên kết chặt chẽ với nhau để làm nổi bật chủ đề theo yêu cầu.

ĐỀ SỐ 34. CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG CÀN THỜ

Câu 1: (1,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Ban Giám Hiệu trường THPT X.

Em là A., học sinh lớp 12C

Thưa Ban Giám Hiệu, trong kì thi học kì I hồi thứ 6 tuần trước, môn Hóa học của em được có 4 điểm. Trong khi em dò kết quả trên mạng thì phải là 6 điểm mới đúng.

Vì vậy, em làm đơn này xin Ban Giám Hiệu xem xét chấm lại bài để em khỏi bị oan ức.

Em xin chân thành cảm ơn.

... ngày...tháng...năm....

Người làm đơn

LÊ NGỌC A.

a/ Anh/ chị hãy chỉ ra những lỗi sai về chính tả, về cách sử dụng từ ngữ, diễn đạt không phù hợp với phong cách ngôn ngữ hành chính trong lá đơn trên.

b/ Điều chỉnh những lỗi sai đó bằng cách viết lại hoàn chỉnh lá đơn trên.

Câu 2: (1,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau:

Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng nên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ.

(Trích “Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003”-

Cô-phi An-nan, SGK Ngữ văn 12 tập 1, trang 82)

a/ Khái niệm “chúng ta” và “họ” trong ngữ liệu trên chỉ những đối tượng nào?

b/ Giải thích ý nghĩa của câu nói “Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ.”?

ĐÁP ÁN

Đọc-hiểu văn bản

Câu 1. Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Câu a. Chỉ ra lỗi sai:

- Lỗi chính tả: Viết hoa tất cả các chữ trong phần tiêu ngữ:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

- Lỗi từ ngữ, diễn đạt sai phong cách:

Thưa Ban Giám Hiệu, trong kì thi học kì I **hồi t hứ 6 t u ần trướ c**, môn Hóa học của em **được có 4 điểm. Trong khiem dò kết quả trên mang thì phải là 6 điểm mới**

đú n g.

Vì vậy, em làm đơn này xin Ban Giám Hiệu xem xét **chấm lại bài** **để em kh ỏi bi oan**

ức.

-> Diễn đạt kiểu phong cách sinh hoạt, khẩu ngữ trong văn bản hành chính.

Câu b. Viết lại: học sinh có thể diễn đạt khác nhau, nhưng phải đáp ứng được nội dung và hình thức của văn bản hành chính.

Câu 2. Đọc ngữ liệu và trả lời câu hỏi:

Câu a. Giải thích: “*chúng ta*”- những người không/chưa mắc HIV-AIDS; “*họ*” – những người mắc HIV-AIDS

Câu b. Ý nghĩa câu nói:

- Không có ai thực sự an toàn, miễn nhiễm với HIV-AIDS

- Dựng nên những rào chắn, kỳ thị người có HIV không thể bảo đảm cho chúng ta thoát khỏi HIV.

- Cần nhận thức đúng tầm nguy hiểm của căn bệnh và chống lại thái độ kì thị, xa lánh người có HIV.

ĐỀ SỐ 35. CHUYÊN HOÀNG LỆ KHA TÂY NINH

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4

Con dê dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chợt nắng, chợt râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con dê.

Trên dê chỉ có mẹ, có con. Lúc nắng mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên kéo nắng vỡ đầu ra.

Con cố. Lúc râm con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, nhanh lên kéo nắng bây giờ!

Con ngỡ ngàng: Sao nắng, sao râm đều phải vội?

Trời vẫn nắng vẫn râm...

Mộ mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: Đòi, lúc nào cũng phải nhanh lên.

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2.

“Trên đê chỉ có mẹ, có con. Lúc nắng mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên kéo nắng vờ đầu ra.”

Xác định biện pháp tu từ và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng biện pháp đó?

Câu 3. Nêu nội dung chính của văn bản trên?

Câu 4. Viết một đoạn văn ngắn (3 - 5 câu) về bài học mà anh/ chị rút ra từ văn bản trên?

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 5 đến câu 7

Cuối năm nay, Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ chính thức được thành lập, theo đó các quốc gia thành viên phải thực hiện cam kết về tự do luân chuyển lao động. Việc lưu chuyển lao động trong khu vực là một yêu cầu tất yếu để tạo điều kiện thúc đẩy cho quá trình hợp tác và lưu thông thương mại giữa các nước. Như vậy, trong một cộng đồng gồm 660 triệu dân, các nhân sự có chuyên môn cao có thể tự do luân chuyển công việc từ quốc gia này tới bất kỳ quốc gia nào khác trong khối. Đây vừa tạo ra cơ hội lớn nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho lực lượng lao động Việt Nam trong công cuộc cạnh tranh khắc nghiệt với lao động trong khu vực.

(Báo Giáo Dục và Thời Đại, số 86, ngày 10/04/2015)

Câu 5. Xác định thao tác lập luận chủ yếu?

Câu 6. Văn bản nói về vấn đề gì?

Câu 7. Theo anh/ chị cơ hội và thách thức đối với lực lượng lao động Việt Nam là gì?

ĐÁP ÁN

Đọc – hiểu văn bản:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: phương thức biểu cảm/ biểu cảm.

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ: biện pháp nói quá/cường điệu/thậm xưng.

Hiệu quả nghệ thuật: *nắng vờ đầu ra* làm tăng sức gợi hình, gây ấn tượng về cái nắng gay gắt.

Câu 3. Nội dung chính của văn bản: Những khó khăn, thử thách khắc nghiệt trong cuộc đời và những cơ hội, thuận lợi đến với mỗi người trong cuộc sống.

Câu 4. Bài học mà người con rút ra: Cần phải biết vượt qua những khó khăn, thử thách khắc nghiệt trong cuộc đời, đồng thời phải biết nắm bắt và tận dụng cơ hội để đạt đến đích.

Câu 5. Thao tác lập luận chủ yếu: thao tác lập luận phân tích/thao tác phân tích/phân tích.

Câu 6. - Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ chính thức được thành lập vào cuối năm 2015 và

việc cam kết thực hiện tự do luân chuyển lao động trong khối.

- Đây vừa là cơ hội lớn, cũng vừa là thách thức lớn cho lực lượng lao động Việt Nam.

- Câu 7.**
- Cơ hội đối với lực lượng lao động Việt Nam: Có cơ hội tự do lao động ở nhiều nước trong khu vực.
 - Thách thức đối với lực lượng lao động Việt Nam: Trong quá trình hội nhập, đòi hỏi cần phải có trình độ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

ĐỀ SỐ 36. CHUYÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM LẦN 6

Anh/ chị hãy đọc bài thơ sau rồi trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

VỊNH KHOA THI HƯƠNG

*Nhà nước ba năm mở hội khoa
Trường Nam thì lẫn với trường Hà
Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ
Âm ọe quan trường miệng hét loa
Lọng cắm rợp trời quan sứ đến
Váy lê quét đất mụ đầm ra
Nhân tài đất Bắc nào ai đó
Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*

(Trần Tế Xương)

Câu 1. Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 2: Từ “*lẫn*” ở câu thơ thứ hai có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3. Tìm và phân tích giá trị biện pháp tu từ trong câu luận (câu 5 – 6)

Câu 4. Theo anh/chị, tại sao khi quan tâm đến “*cảnh nước nhà*”, nhà thơ lại bắt đầu từ “*nhân tài đất Bắc*”?

Hãy đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi 5 và 6:

“*Chúng ta cần suy nghĩ thêm về những yêu cầu cơ bản trong việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. Tôi nghĩ rằng cơ bản nhất là phải qua việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và chuẩn hóa nó từng bước, một cách rất thận trọng và vững chắc, mà phát triển tốt tư duy của con người, con người Việt Nam ta: tư duy chính trị, tư duy kinh tế, tư duy nghệ thuật, tư duy khoa học.....Đó là một điểm rất quan trọng trong phương pháp tư tưởng của chúng ta. Giữ gìn sự trong*

sáng của tiếng Việt và chuẩn hóa nó là để phục vụ sự phát triển của tư duy, sự phát triển của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Nếu không như thế, thì không thể hiểu được công việc này có ích chỗ nào, cần thiết chỗ nào”

[Phạm Văn Đồng, trích trong *Chuẩn hóa chính tả và nghệ thuật* NXB GD, 1983]

Câu 5. Đặt tiêu đề cho đoạn văn trên?

ĐÁP ÁN

- Câu** Chủ đề: Những cảnh chướng tai, gai mắt ở trường thi phản ánh tình trạng suy đồi của
- 1.** Nho học và sự xâm nhập ồ ạt của thứ văn hóa lai căng (lúc chế độ thuộc địa nửa phong kiến mới được thiết lập” và nỗi lòng đau xót, phẫn uất của tác giả.
- Câu** Từ “lẫn” trong câu thơ phản ánh tình trạng lộn xộn, bát nháo ở trường thi – nơi vốn
- 2.** được coi là điển hình của sự tôn nghiêm.
- Câu** Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ là “đối”. Hiệu quả, tác dụng một sự
- 3.** đối lập vừa chướng tai gai mắt, vừa đau lòng, phản ánh một thực trạng “cười ra nước mắt”. Sự hiện diện của “quan sứ” và “mụ đầm” là quốc nhục.
- Câu** Sở dĩ Trần Tế Xương nhắc tới nhân tài đất Bắc là vì các cuộc thi được mở ra với mục
- 5.** đích tìm kiếm nhân tài cho đất nước nhưng cảnh thi cử lộn xộn, bát nháo như thế này thì không thể tìm được nhân tài. Câu thơ vừa có màu sắc trào phúng (châm biếm, chua chát) vừa đậm chất trữ tình (đau xót). Cũng có thể hiểu đó là tiếng gọi, là lời thức tỉnh của nhà thơ đối với những nhân tài đất Bắc thực sự: hãy làm gì đó để mà thay đổi “cảnh nước nhà.
- Câu** Có thể đặt: *Những yêu cầu cơ bản trong việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.*
- 5.**
- Câu** Phương thức biểu đạt trong đoạn văn: nghị luận.
- 6.**

ĐỀ SỐ 37. CHUYÊN NGUYỄN HUỆ LẦN 4

1. Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

(1) *Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác!
Khi bờ bãi dần lui, làng xóm khuất,
Bốn phía nhìn không một bóng hàng tre.*

(2) *Đêm xa nước đầu tiên, ai nữ ngủ?
Sóng vỗ dưới thân tàu phải sóng quê hương!*

*Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở,
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương!*

*...(3) Có nhớ chăng, hồi gió rét thành Ba Lê?
Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya?*

*...(4) Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đáng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhánh hoa....*

(Trích Người đi tìm hình của nước - Chế Lan Viên)

Câu 1. Đoạn thơ gắn với sự kiện lịch sử nào? (0,25 điểm)

Câu 2. Tìm 01 bài thơ khác có cùng đề tài với đoạn thơ trên (Nêu rõ tên tác giả, tác phẩm - 0,25 điểm)

Câu 3. Đoạn thơ sử dụng những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy chỉ ra những tình cảm nhà thơ thể hiện trong khổ thơ thứ 3 (0,5 điểm)

2. Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 5 đến Câu 8:

Tuy nhiên, sự gia tăng của các phương tiện truyền thông công dân như vậy lại làm tăng thêm nỗi lo ngại về tính chính xác, lành mạnh của các thông tin được cung cấp từ các phương thức truyền thông mới, đặc biệt là từ các trang cá nhân. Thiết nghĩ, truyền thông mới, bản thân nó là một khái niệm trung lập và không ngừng biến đổi. Vì thế, nó trở nên tốt hay xấu là phụ thuộc vào mục đích và cách thức của mỗi cá nhân sử dụng. Trên thực tế chúng ta đã được chứng kiến việc nhiều người sử dụng mạng xã hội tỏ ra thiếu trách nhiệm khi cung cấp những thông tin sai sự thật, do họ không dành thời gian kiểm định tính chính xác của thông tin trước khi công bố. Bên cạnh thông tin sai sự thật là những thông tin, trò chơi thiếu lành mạnh, nhiều tính bạo lực, khiêu dâm... Chưa kể một số không nhỏ người sử dụng mạng xã hội nhằm cập nhật nhiều thông tin không khách quan, thậm chí mang đậm thiên kiến cá nhân. Những người sử dụng khác, nếu không có sự chọn lọc và cẩn trọng trước các thông tin kiểu như vậy, sẽ không tránh khỏi những cách nhìn sai lệch về nhiều vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Nghiêm trọng hơn, sự phát triển nở rộ và thịnh hành truyền thông mới nói chung và của mạng xã hội nói riêng vô hình trung có thể sẽ trở thành công cụ đắc lực góp phần làm nảy sinh các nguy cơ đối với an ninh, chính trị, xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân người sử dụng, nhất là những người trẻ tuổi.

Cần khẳng định rằng, việc phát triển truyền thông mới là cần thiết, nhưng song hành với phát triển phải có sự quản lý, định hướng của các cơ quan chức năng đối với người sử dụng để khai thác truyền thông mới một cách có hiệu quả và có lợi ích thiết thực lành mạnh. Vì thế, để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới,....

(Dẫn theo

<http://www.nhandan.com.vn/>)

Câu 5. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (0,25 điểm)

Câu 6. Đặt tiêu đề cho đoạn trích trên (0,25 điểm)

Câu 7. Theo anh/chị, đoạn văn này có phải là đoạn mở đầu của bài viết không? Tại sao? (0,5 điểm)

Câu 8. Anh/chị hãy viết tiếp vào dấu (...) ở cuối đoạn nêu giải pháp “để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới”. Phần viết tiếp trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

- Câu 1.** Đoạn thơ gắn với sự kiện Bác lên đường cứu nước (1911).
- Câu 2.** Bài thơ cùng đề tài viết về Bác, ví dụ: *Bác ơi* (Tố Hữu)
- Câu 3.** Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 4.** Những tình cảm nhà thơ thể hiện trong khổ thơ thứ 3 là sự xót xa, niềm ngưỡng mộ khi nhắc tới những khó khăn, gian khổ và nghị lực phi thường của Bác trên đường cứu nước.
- Câu 5.** Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí (hoặc chính luận)
- Câu 6.** Đặt tiêu đề phù hợp với nội dung đoạn trích. Ví dụ *Cẩn trọng trước một số tác hại của truyền thông mới.*
- Câu 7.** Đoạn văn này không phải là đoạn mở đầu của bài viết. Vì đầu đoạn văn có từ nối “Tuy nhiên”, thể hiện sự liên kết hồi hướng với ý đoạn ở trên.
- Câu 8.** Viết tiếp vào dấu [...] ở cuối đoạn giải pháp “để tránh được những sai lệch khi sử dụng các loại hình truyền thông mới” theo quan điểm riêng của bản thân. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức thuyết phục, hợp với văn cảnh.

ĐỀ SỐ 38. CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU LẦN 1

Xem bức ảnh và trả lời các câu hỏi sau:



- 1, Những “lời độc thoại” trên bức ảnh thuộc phong cách ngôn ngữ nào? (1,0 điểm)
- 2, Bức ảnh trên gửi đến người xem thông điệp gì? (1,0 điểm)
- 3, Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) nêu lên suy nghĩ của bản thân về hiện tượng trên?(3,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Xem ảnh và thực hiện yêu cầu:

Những “lời độc thoại” thuộc phong cách chức năng ngôn ngữ sinh hoạt.

Thông điệp của bức ảnh: phản ánh và cảnh tỉnh về căn “bệnh” thờ ơ, vô cảm của con người trong xã hội hiện đại.

Trình bày suy nghĩ về hiện tượng được phản ánh trong bức ảnh:

* Phân tích nội dung bức tranh:

- Bức ảnh vẽ một người đang nằm dưới đường, có thể bị ốm đau, bệnh tật hoặc say rượu, gặp tai nạn nên không thể tiếp tục đi lại... Việc này khiến họ có thể gặp nguy hiểm vì trên đường rất nhiều phương tiện lưu thông. Rất nhiều người qua đường, trông thấy nhưng mỗi người có một phán đoán riêng và không ai giúp họ, tất cả đều quay đi, để mặc người nằm đó.

- Đây là biểu hiện của “bệnh vô cảm” – một “căn bệnh” đang ngày càng phổ biến trong xã hội hiện đại ngày nay. Lấy ví dụ thực tế: vụ hôn bia ở Đồng Nai cuối năm 2013, em bé 3 tuổi bị ô tô cán giữa đường nhưng không ai dừng lại,...

* **Khái niệm “bệnh vô cảm”**: đó là sự thờ ơ trước niềm vui, nỗi buồn của những người xung quanh; là thái độ lạnh lùng đến tàn nhẫn trước những đau thương, mất mát của đồng loại; là thái độ dửng dưng hoặc cố tình né tránh giúp đỡ người khác...

* **Bàn luận về hiện tượng:**

- *Nguyên nhân của căn bệnh vô cảm:*

+ Nhịp sống gấp gáp, lối sống nhanh, sống vội, cuốn con người vào guồng quay của xã hội, khiến họ mãi miết chạy theo những lợi ích trước mắt, sống thực dụng, mà quên đi những giá trị đích thực, bền vững - đó là tình yêu thương con người.

+ Bản thân mỗi cá nhân được giáo dục chưa tốt, sống ích kỉ, không biết quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ.

- *Hậu quả:*

+ Để lại những tổn thất lớn lao về vật chất, tinh thần cho những người gặp khó khăn.

+ Thử đặt một giả thiết: xã hội sẽ ra sao nếu mỗi người chỉ biết vun vén cho quyền lợi, hạnh phúc cá nhân? Nếu luôn quay lưng trước khó khăn của người khác thì khi ta cần sự giúp đỡ có thể nhận được sự sẻ chia của mọi người hay không?...

=> Đây là lối sống ích kỉ, hẹp hòi, cần đấu tranh loại bỏ.

- *Nêu phản đề và giải pháp:*

+ Bên cạnh những câu chuyện đáng buồn đó, ta vẫn thấy trong cuộc sống này những tấm lòng vàng, luôn sẵn sàng sẻ chia, yêu thương, cho đi mà không cần nhận lại.

+ Giải pháp: Giáo dục con người một cách toàn diện, nhân mạnh tình yêu thương con người là hạt nhân cơ bản để duy trì sự sống, xã hội; một xã hội phát triển là xã hội mà ở đó con người biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Có những hình phạt thích đáng cho sự vô trách nhiệm, sự thờ ơ, vô cảm gây hậu quả nghiêm trọng. Tích cực nêu gương, biểu dương người tốt, việc tốt.

* **Bài học nhận thức và hành động:**

- Con người cần sống có tình yêu thương, biết sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống để hướng tới một xã hội văn minh, tiến bộ.

- Sẵn sàng giúp đỡ mọi người, nhất là khi họ gặp khó khăn.

- Đấu tranh, phê phán, loại bỏ những biểu hiện của lối sống ích kỉ, cá nhân, hẹp hòi, vô cảm.

Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý chính như trên. Bài viết phải đủ 3 phần mở - thân - kết bài, bố cục mạch lạc, logic, dẫn chứng cụ thể, phong phú, không mắc lỗi diễn đạt.

ĐỀ SỐ 39. CHUYÊN NGUYỄN TÁT THÀNH HÀ NỘI

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

*Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng
Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng.
Những bàn chân của Hóc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng
Lùng lẩy Điện Biên, chấn động địa cầu
Những bàn chân đã vùng dậy đập đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!*

*Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp,
Rắn như thép, vững như đồng.
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!*

*Ta đi tới, không thể nào chia cắt
Mục Nam quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đầu
Bắc nam liền một biển*

*Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một cụ Hồ
Lòng ta chung một Thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam!*

(Tố Hữu, Ta đi tới, trích Thơ Tố Hữu, NXB Giáo dục, 2003)

- 1/ Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ nào? (0,25 điểm)
- 2/ Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ thứ nhất. (0,5 điểm)
- 3/ Câu thơ “*Lùng lẩy Điện Biên, chấn động địa cầu*” nhắc đến sự kiện lịch sử nào của dân tộc? Cảm xúc của tác giả khi nhắc đến sự kiện lịch sử này là gì? (0,5 điểm)
- 4/ Theo em, nhân vật trữ tình “ta” trong đoạn thơ là ai? (0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau đây và trả lời các câu hỏi từ 5 đến 8:

19.5.1970

Được thư mẹ... Mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không? Con vẫn hiểu điều đó từ lúc bước chân lên chiếc ô tô đưa con vào con đường bom đạn. Nhưng con vẫn ra đi vì lí tưởng. Ba năm qua, trên từng chặng đường con bước, trong muôn vàn âm thanh hỗn hợp của chiến trường, bao giờ cũng có một âm thanh dịu dàng tha thiết mà sao có một âm lượng cao hơn tất cả mọi đạn bom sấm sét vang lên trong lòng con. Đó là tiếng nói của miền Bắc yêu thương, của mẹ, của ba, của em, của tất cả. Từ hàng lim xào xạc bên đường Đại La, từ tiếng sóng sông Hồng dào dạt vỗ đến cả âm thanh hỗn tạp của cuộc sống Thủ đô vẫn vang vọng trong con không một phút nào nguôi cả.

(Nhật kí Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005)

5/ Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Trong đoạn văn có những phương thức biểu đạt nào? (0,5 điểm)

6/ “Lí tưởng” mà liệt sĩ – bác sĩ Đặng Thùy Trâm nhắc đến trong đoạn văn trên là gì? (0,25 điểm)

7/ Đọc đoạn nhật kí trên, điều gì khiến anh/chị xúc động nhất? (0,25 điểm)

8/ Anh/ chị nghĩ gì về sự hi sinh của những người trẻ tuổi trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc? (trình bày trong khoảng 7 dòng) (0,5 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu I. Đọc các văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Thể thơ tự do.

Câu 2. Chỉ ra phép nhân hóa/ hoán dụ “bàn chân một dân tộc” hoặc điệp ngữ “những bàn chân”

-> Nhấn mạnh sự vững vàng và sức mạnh tiến công của dân tộc ta.

Câu 3. Câu thơ nhắc đến sự kiện chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (5/1954)

Cảm xúc của tác giả: niềm tự hào, tình cảm ngợi ca chiến thắng lẫy lừng của dân tộc.

Câu 4. Nhân vật trữ tình "ta" có thể hiểu là Quân dân ta/ Nhân dân/ Dân tộc/ Những người dân nước Việt.

Câu 5. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Phương thức biểu đạt biểu cảm, miêu tả, tự sự.

Câu 6. Lí tưởng mà liệt sĩ - bác sĩ Đặng Thùy Trâm nhắc đến là lí tưởng hi sinh tuổi xanh lên đường chiến đấu để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 7. Học sinh phát biểu cảm xúc, có thể là về nỗi nhớ mẹ, nhớ gia đình, nhớ Hà Nội, nhớ miền Bắc dồn nén, cảm xúc về Hà Nội của một cô gái trẻ...

Câu 8. Các ý chính:

- Họ đã hi sinh tuổi xanh, đời trẻ vì lí tưởng độc lập và thống nhất dân tộc.

- Thế hệ sau nể phục và biết ơn với các thế hệ đã quên mình, hi sinh để có Tổ quốc, cuộc đời hôm nay.

ĐỀ SỐ 40. THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN QUẢNG NAM

*“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!”*

*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”*

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1/ Cho biết những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của chúng (1,0 điểm)

2/ Chất suy tưởng triết lí được thể hiện qua những câu thơ nào? Từ triết lí trong đoạn thơ trên, anh(chị) rút ra bài học gì cho bản thân? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản.

Yêu cầu cụ thể:

Câu a. - Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng:

+ Điệp từ “ nhớ” – “ khi” lặp lại 2 lần.

+ Câu hỏi tu từ: “ Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương”

+ Tương phản: “ khi ta ở>< khi ta đi”, “ đất ở ><đất hóa tâm hồn”.

+ So sánh chùm: “ *anh nhớ em- đông về nhớ rét*”, “ *tình yêu ta- cánh kiến hoa vàng- xuân đến chim rừng lông trở biếc*”

- Hiệu quả của biện pháp tu từ:

+ Diễn tả tình yêu, sự gắn bó tha thiết, sâu nặng của nhà thơ đối với mảnh đất Tây Bắc của Tổ quốc.

+ Tạo sự sinh động, truyền cảm cho lời thơ.

Câu b. - Chất suy tưởng, triết lí được thể hiện qua các câu thơ:

“ *Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*

Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”

“ *Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương*”

- Bài học cho bản thân rút ra từ những triết lí đó:

+ Đó là những chân lí mang tính phổ quát, rút ra từ đời sống, từ quy luật tình cảm.

+ Mỗi một mảnh đất khi con người gắn bó dù cho không phải là quê hương đều sẽ trở thành một phần máu thịt, thành mảnh đất tâm hồn, mảnh đất kỉ niệm. Vì vậy, hãy biết yêu thương, trân trọng, sống thủy chung với quá khứ, với những miền đất đã đi qua.

ĐỀ SỐ 41. THPT CÙ HUY CẬN HÀ TĨNH

Đọc văn bản:

“Hãy nhìn dòng người đang cuộn chảy trên đường phố trong cái ngột ngạt của trưa hè nóng bức, ai cũng nghẹt thở vì chất thải của động cơ xe máy, ô tô cho dù khẩu trang che kín mũi miệng. Hậu quả sẽ ra sao với sức khỏe con người? Khó mà lường được. Nhưng trước mắt thì vẫn cứ phải tồn tại bằng cách thở hít vào phổi cái khói bụi độc hại đó để mà bươn chải với cuộc mưu sinh.

Ai đó mong có dịp về nông thôn để được hít thở không khí trong lành, sẽ khó tránh khỏi cảm giác thất vọng. Sự “trong lành” mà họ trông đợi đang bị hủy hoại nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, chất thải vô tội vạ của làng nghề, chất thải từ “mạnh ai nấy được” trong nuôi trồng thủy sản, ... Sông Cầu tiếp nhận thêm ít nhất 180 000 tấn phân hóa học, 1500 tấn thuốc trừ sâu! Lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy bị nước thải xối thẳng trực tiếp làm nước sông đen ngòm và đang bốc mùi. Sông Thị Vải trong lưu vực sông Đồng Nai đã có đoạn bị chết kéo dài sau khu vực hợp lưu Suối Cả, Đồng Nai đến khu công nghiệp Mĩ Xuân...

Trở lại với chuyện thường ngày ở cái vạch dừng xe trên phố. Trong cái nóng thiêu đốt, tiếng gầm gào của các loại động cơ ô tô, xe máy làm cho bầu không khí càng thêm ngột ngạt. Rồi đây, “dân giàu” lên thêm, ô tô càng nhiều thêm, nơi cái vạch dừng xe của cái đường phố không thể mở rộng hơn để tương thích với sự phát triển đó sẽ càng thêm ngột ngạt và nghẹt thở.

Ở một số nước nghèo, bức xúc là chuyện tăng trưởng kinh tế để giảm nghèo cái đã, việc môi trường, tính sau. Người ta quên mất rằng, cái giá phải trả cho sự hủy hoại môi trường sẽ cao hơn nhiều cho những sản phẩm có được của sự tăng trưởng kia. Không thể chỉ đơn thuần quan tâm thúc đẩy sự tăng trưởng mà còn thường trực đặt ra câu hỏi tăng trưởng như thế nào. Chẳng thế mà người ta khuyến cáo sử dụng chỉ số mới mang tên Tổng sản phẩm quốc gia “thuần” và “xanh”, chứ không chỉ sử dụng GDP. “Thuần” là đòi hỏi phải điều chỉnh tổng sản phẩm sau khi đã khấu trừ các tài sản của đất nước bị hao hụt trong quá trình sản xuất. “Xanh”, nghĩa là phải chú ý đến mức tiêu hao nguồn tài nguyên thiên nhiên đã bị khai thác gắn với sự hủy hoại môi trường sống của con người khi tính GDP.”

(Báo điện tử Nguoidaibieu.com.vn)

1/ Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản? (2,0 điểm)

2/ Tìm các ý chính của văn bản trên? Nhận xét về cách sắp xếp các ý trên? (2,0 điểm)

3/ Thái độ của người viết thể hiện như thế nào? Quan điểm của anh/chị về vấn đề trên? (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Vấn đề văn bản và phong cách ngôn ngữ của văn bản

Văn bản trên đề cập đến vấn đề: Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng đến môi trường sống của con người.

Phong cách ngôn ngữ của văn bản: Báo chí (đáp án: Chính luận hoặc cả báo chí và chính luận)

Câu 2. Các ý chính và cách sắp xếp ý:

Các ý chính của văn bản

- Trên đường nghẹt thở vì khói bụi độc hại.
- Môi trường trong lành ở nông thôn đang bị hủy hoại nghiêm trọng
- Sự xuất hiện thêm nhiều ô tô, xe máy làm cho bầu không khí thêm ngột ngạt.
- Ở những nước nghèo, quan tâm tăng trưởng kinh tế phải quan tâm bảo vệ môi trường sống (Gắn liền với chỉ số tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc gia “thuần” và “xanh”)

Cách sắp xếp các ý: Các ý sắp xếp chặt chẽ, hợp lý. Các ý được sắp xếp từ thực trạng ô nhiễm môi trường đến giải pháp khắc phục.

Câu 3. Thái độ của người viết và quan điểm của bản thân

Thái độ của người viết: Thể hiện sự lo lắng về tình trạng ô nhiễm môi trường. Tăng trưởng kinh tế đang làm hủy hoại môi trường, ảnh hưởng cuộc sống của con người

Quan điểm về vấn đề trên: Tăng trưởng kinh tế cần gắn với bảo vệ môi trường sống. Môi trường sống của con người cũng quan trọng như tăng trưởng kinh tế.

ĐỀ SỐ 42. THPT N.T MINH KHAI HÀ TĨNH

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu”

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a, Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của nó

trong việc thể hiện nội dung?(2 điểm)

b, Bốn câu thơ trên là lời đề từ của bài thơ “ Tiếng hát con tàu”, hãy xác định vị trí và tác dụng của nó trong tác phẩm? (2 điểm)

c, Ý nghĩa hình ảnh “ con tàu” và “ Tây Bắc” trong đoạn thơ? (2 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số

khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về khả năng sử dụng các biện pháp tu từ, các chi tiết có ý nghĩa biểu tượng.

Yêu cầu cụ thể:

Câu a. - Các biện pháp tu từ được sử dụng:

+ Câu hỏi tu từ: “*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây bắc*”

+ Phép điệp từ: “*khi*” lặp lại 2 lần

+ Phép nhân hóa: “*Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*”

+ Phép ẩn dụ: “*con tàu*” - “*Tây bắc*”

- Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Việc sử dụng câu hỏi tu từ “*Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc*”, phép điệp từ “*Khi*”, phép nhân hóa “*Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*”, kết hợp với giọng thơ chính luận, nhịp thơ dồn dập có tác dụng mang đến bốn câu đề từ đầy nhiệt huyết, hào hứng và mê say về một “cuộc đi” đến những vùng miền xa xôi để cống hiến và dựng xây, kiến thiết.

+ Biện pháp nghệ thuật quan trọng nhất chính là ẩn dụ với các hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng. Tây Bắc, ngoài nghĩa cụ thể của một vùng đất, còn là biểu tượng gợi nghĩ đến mọi miền xa xôi của Tổ Quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa tình của nhân dân. Lên Tây Bắc cũng chính là trở về với chính lòng mình. “Con tàu” là hình ảnh lãng mạn, là biểu tượng cho khát vọng lên đường, khát vọng tìm đến những ước mơ, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

+ Tăng sức tính hình tượng và sức gợi cảm cho đoạn thơ.

Câu b. Nhận xét:

- Vị trí của đoạn đề từ: ngay phần mở đầu tác phẩm.

- Tác dụng của lời đề từ: là một chỉ dẫn, một gợi ý để khám phá tác phẩm, là khúc dạo đầu giúp người nghe phán đoán được cái bổng trầm trong một bản nhạc. Có thể xem bốn câu thơ đề từ của tác phẩm như là sự gói ghém trọn vẹn nỗi niềm của nhà thơ Chế Lan Viên, là sự trải nghiệm của một người có hơn hai mươi năm cầm bút đi đến một chân lý giản đơn. Lời mời gọi lên Tây Bắc trở thành lời giục giã, lời mời gọi những tâm hồn hãy đến với đời sống cần lao và rộng lớn của nhân dân . Từ một vấn đề thời sự, bài thơ đã mở ra những suy tưởng về cuộc sống, về nghệ thuật .

Câu c. Ý nghĩa:

- *Tây Bắc*:

+ Là nghĩa cụ thể chỉ một địa danh, một vùng đất, nơi hướng tới của bao người đi xây dựng kinh tế miền núi những năm 1958-1960.

+ Là biểu tượng gợi nghĩ đến mọi miền xa xôi của Tổ Quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa tình của nhân dân, nơi khắc ghi kỉ niệm của ngưỡng người đã trải qua kháng chiến, nơi vẫy gọi mọi người đi tới.

+ Là biểu tượng của hiện thực cuộc sống, cội nguồn của sáng tạo nghệ thuật.

- *Con tàu*:

+ Chế Lan Viên viết “ Tiếng hát con tàu” vào thời điểm miền Bắc đang diễn ra cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới ở Tây bắc, Lúc này, chưa có đường tàu và con tàu lên Tây bắc. Con tàu là hình ảnh lãng mạn, là hình ảnh của tâm tưởng.

+ Là biểu tượng cho khát vọng lên đường, khát vọng đi xa, khát vọng hòa nhập vào cuộc đời lớn của nhân dân, đất nước.

+ Khát vọng tìm đến những ước mơ, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật.

ĐỀ SỐ 43. SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VĨNH PHÚC LẦN 1

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Trăng nở nụ cười (Tác giả:Lê Đình Cánh)

Đâu Thị Nở , đâu Chí Phèo

Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao

Vẫn vườn chuối gió lao xao

Sông Châu vẫn chảy nô nao mạn thuyền

Áng ngổ ngẩn

Gã khùng điên

Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người

Vườn sông trăng nở nụ cười

Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau

Giữa đời vàng lẫn với thau

Lòng tin còn chút về sau để dành

Tình yêu nên vị cháo hành

Đời chung bát vỡ thơm lành lúa đôi

a) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Vì sao anh/chị biết? (1,0 điểm)

- b) Đọc bài thơ anh/chị liên tưởng đến tác phẩm nào, ai là tác giả? Kể thêm một số tác phẩm của nhà văn đó. (1,0 điểm)
- c) Câu thơ “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” có ý nghĩa gì? Từ đó, hãy liên hệ với nhân vật chính trong tác phẩm để làm rõ điều anh/chị đã giải thích. (2,0 điểm)
- d) Vị chao hành được nhắc đến trong bài thơ là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6 đến 8 câu) cảm nhận về chi tiết này. (2,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để làm bài
- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản về khả năng sử dụng ngôn ngữ, sử dụng “đắt” các chi tiết có ý nghĩa biểu tượng.

Yêu cầu cụ thể

Câu a.

- Bài thơ được viết theo thể lục bát.
- Căn cứ vào số tiếng trong câu và cách hiệp vần ở tiếng thứ sáu của câu lục và tiếng thứ tám của câu bát.

Câu b.

- Bài thơ gợi liên tưởng đến tác phẩm Chí Phèo của nhà văn Nam Cao.
- Một số tác phẩm khác như: " Đời thừa", " Sống mòn", " Dì Hảo", " Một bữa no",...

Câu c.

- Câu thơ “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” cho thấy tình yêu có sức mạnh cảm hóa con người, làm cho con người trở nên thực sự người hơn.
- Trong tác phẩm, Chí Phèo là một người nông dân hiền lành, lương thiện nhưng bị đẩy vào bước đường cùng của sự tha hóa, bị tước đoạt quyền sống, quyền làm người.
- Cuộc gặp gỡ với thị Nở và tình yêu thương mộc mạc, chân thành của người đàn bà khốn khổ đã giúp Chí Phèo thức tỉnh. Sau bao nhiêu năm bán linh hồn cho quỷ dữ, Chí Phèo lại khao khát được sống, được làm người lương thiện, được hòa nhập vào xã hội bằng phẳng, thân thiện của loài người. Quả thực, khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người. Đó là sức mạnh kì diệu của tình yêu chân chính.

Câu d. Viết đoạn văn cảm nhận về chi tiết nghệ thuật vị cháo hành

- Hình thức: Viết đúng quy ước đoạn văn và số câu mà đề quy định.

- Nội dung: Học sinh có thể trình bày cảm nhận riêng của mình về chi tiết nghệ thuật, nhưng cần làm rõ:

+ Cháo hành là biểu hiện của tình yêu thương, chăm sóc ân cần; tình người mộc mạc, giản dị.

+ Với Chí Phèo, bát cháo hành của thị Nở giúp Chí cảm nhận được tình người đầm ấm, chân thực và thức tỉnh về quyền sống, quyền làm người. Cháo hành thực sự là liều thuốc giải độc.

+ Chi tiết nghệ thuật này giúp người đọc cảm nhận chiều sâu tâm hồn nhân vật hàng ngày vốn bị che lấp; đồng thời cho thấy tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao với niềm tin mãnh liệt của con người.

ĐỀ SỐ 44. SỞ GD VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH LẦN 1

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

“Ở các nước Âu – Mỹ, lấy ví dụ ở Pháp hiện nay, trung bình một người dân Pháp đọc tới 20 cuốn sách/năm, đối với người dân sống ở thành phố, tầng lớp tri thức, con số đó lên tới 30-50 cuốn/năm (Nguyễn Hương, bài “Người Việt ít đọc sách: Cần những chính sách để thay đổi toàn diện”). Ở Nhật, như đã nói ở trên, ngay từ thời Cải cách Minh Trị, chỉ với 30 triệu dân mà tiêu thụ tới hàng trăm ngàn cuốn sách dạng tinh hoa, “khó nhằn”. Ở một quốc gia gần hơn trong cộng đồng ASEAN, đó là Malaysia, số lượng sách được đọc trên đầu người là 10-20 cuốn/người/năm (2012, số liệu từ ông Trần Trọng Thành, công ty sách điện tử Aleeza). Và ở Việt Nam, theo con số do Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công bố ngày 12/04/2013 ngay trước thềm sự kiện “Ngày hội Sách và Văn hóa Đọc”, số lượng sách một người Việt đọc trong một năm là... 0,8 cuốn, nghĩa là người Việt Nam đọc chưa đầy một cuốn sách trong một năm

Có sự tương quan rõ ràng giữa văn hóa đọc và sự phát triển của một quốc gia. Với những con số ở trên, dễ hiểu vì sao nước Pháp lại có một nền kinh tế, văn hóa và nghệ thuật rạng rỡ như vậy. Và nước Nhật có thể đứng dậy thần kỳ sau Thế chiến 2 cũng như vươn lên quật khởi sau bao thiên tai liên miên, hiện đang là nền kinh tế đứng thứ hai thế giới với nền khoa học-công nghệ tiên tiến bậc nhất. Malaysia đang là ngôi sao mới ở khu vực ASEAN với những chính sách đổi mới và mở cửa đột phá gần đây. Và người Do Thái với câu chuyện ở đầu bài, “Một dân tộc 13 triệu dân nhưng sinh ra gần 40% chủ nhân của các giải Nobel; 1/3 trên tổng số các nhà triệu phú đang sống và làm việc tại Mỹ là người Do Thái; 20% giáo sư tại các trường đại học hàng đầu hiện nay; 3 nhân vật

sau Công nguyên cho đến hiện tại có tác động lớn nhất đến lịch sử nhân loại là Chúa Jesus, Karl

Marx và Alber Einstein...là người Do Thái.

Mỗi người Việt chưa đọc nổi một cuốn sách/năm, ai có thể khẳng định không liên quan đến tình trạng suy thoái toàn diện từ kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội cũng như nhân cách con người hiện nay ở Việt Nam?

(Ngẫm về “tủ rọu” của người Việt và “tủ sách” của người Do Thái theo Báo mới)

1. Văn bản trên thuộc phong cách chức năng ngôn ngữ nào?
2. Nêu các ý chính của văn bản?
3. Nhận xét về cách lập luận của tác giả?
4. Những số liệu mà tác giả đưa ra trong văn bản cho anh/chị hiểu thêm điều gì về hiện trạng mà văn bản đề cập tới?
5. Văn bản trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn hóa đọc với lối sống và nhận thức của giới trẻ hiện nay?

ĐÁP ÁN

Ý

Nội dung

Đọc văn bản và thực hiện yêu

cầu: Yêu cầu chung:

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu, phân tích các phong cách chức năng ngôn ngữ

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của cả văn bản, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần có những nét hiểu cơ bản với một số ý như sau:

Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Phong cách chức năng ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Các ý chính của văn bản:

- Tỷ lệ đọc sách trên một năm của người dân các nước Âu - Mỹ và một số nước khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

- Mối tương quan giữa văn hóa đọc và sự phát triển của một quốc gia.

- Suy ngẫm về thực trạng đọc sách của người Việt Nam trong tương quan với sự phát triển về mọi mặt của đất nước.

Câu 3. Nhận xét về cách lập luận của tác giả:

- Hệ thống lập luận chặt chẽ, xác đáng, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng chân thực, cụ thể.
- Tác giả sử dụng thao tác lập luận so sánh để người đọc thấy rõ sự khác biệt về văn hóa đọc giữa các nước trên thế giới: Trong khi các nước đều có thể sử dụng những thành tựu công nghệ cao để tích lũy kiến thức thì ở các nước phát triển, người dân vẫn giữ gìn văn hóa đọc, đọc thường xuyên và hiệu quả; ngược lại người Việt Nam ta rất lười đọc sách.

Câu 4. Việc sử dụng số liệu giúp:

- Có cái nhìn chính xác, chân thực về thực trạng văn hóa đọc giữa các quốc gia. Việc "người Việt chưa đọc nổi một cuốn sách/ năm" cho thấy văn hóa đọc của nước ta ở mức rất thấp. Đó là một điều đáng buồn, đáng suy ngẫm bởi văn hóa đọc có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển đất nước. Điều đó đi ngược với xu thế phát triển của đất nước.
- Từ đó, tác giả muốn thức tỉnh mỗi con người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước về việc hình thành thói quen đọc sách.

Câu 5. Những suy nghĩ được gợi lên từ mối quan hệ giữa văn hóa đọc và lối sống nhận thức, thái độ của giới trẻ là:

- Văn hóa đọc được hiểu là đọc sách một cách có văn hóa. Nghĩa là phải biết chọn lựa sách để đọc, đọc đúng cách để có hiệu quả, từ đó vận dụng vào cuộc sống. Để việc đọc sách trở thành một nét đẹp văn hóa cần hình thành thói quen đọc sách, sở thích và kĩ năng đọc sách ở mỗi cá nhân và trong cả cộng đồng.
- Hiện nay, văn hóa nghe - nhìn ngày càng thu hút giới trẻ, trong khi đó văn hóa đọc ở họ lại ngày càng trở nên yếu kém. Giới trẻ thường ít đọc sách, phần lớn đọc do đòi hỏi bắt buộc của công việc, học tập chứ không tự nguyện, ham thích.
- Sách và việc đọc sách có vai trò to lớn trong việc mở mang kiến thức, kĩ năng và bồi dưỡng tâm hồn, hoàn thiện nhân cách con người. Tuy nhiên, đa số bạn trẻ hiện nay không nhận thức được điều đó hoặc có tình phớt lờ, trong khi họ - những chủ nhân tương lai của đất nước rất cần học hỏi, trau dồi cả đức và tài. Hậu quả là họ rỗng nhiều kiến thức, kĩ năng thiếu và yếu, nhận thức sai lệch, không làm được việc,... Đó là một thực trạng đáng buồn, đáng báo động.
- Tuy nhiên, vẫn có không ít bạn trẻ yêu thích đọc sách và đang nỗ lực tuyên truyền, cho văn hóa đọc. Đặc biệt, từ năm 2013, ngày 21/4 hằng năm đã trở thành ngày hội Sách và văn hóa đọc. Đó là một nỗ lực to lớn để xây dựng văn hóa đọc

trong cộng đồng.

- Bài học:

+ Cần nâng niu, trân trọng sách, hình thành thói quen đọc sách, sở thích đọc sách, tránh sa vào các hình thức giải trí vô bổ, độc hại khác.+ Thông minh khi lựa chọn sách, lựa chọn cách đọc và vận dụng vào thực tế cuộc sống.

ĐỀ SỐ 45. TRIỆU SƠN THANH HÓA LẦN 1

“*Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm lay động ánh trăng kia trên bờ đê. “Chim hôm thoi thót về rừng..”. Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vầng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngón nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc chung quanh. Người xưa nói: Thi tại ngôn ngoại.”*

(Trích *Mấy ý nghĩ về thơ*. Tuyển tác phẩm văn học Nguyễn Đình Thi. Tiểu luận-Bút kí. NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

Đọc đoạn trích văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau :

1. Nêu những ý chính của đoạn trích văn bản trên?
2. Người viết đã sử dụng kết hợp các thao tác lập luận nào trong đoạn trích trên? Xác định thao tác lập luận chính.
3. Xác định và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau:
Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung.
4. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: “Thi tại ngôn ngoại”? Hãy chỉ ra phần “Thi tại ngôn ngoại” trong 2 câu thơ:

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những buổi ngày xưa vọng nói về

(Đất nước- Nguyễn Đình Thi)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Những ý chính của đoạn trích văn bản:

- Chữ và tiếng trong thơ phải có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Ngoài công dụng gọi tên sự vật, nó còn có khả năng gợi hình, gợi cảm cao.
- Nghĩa của câu thơ, bài thơ, không chỉ là nghĩa cộng của những chữ, những tiếng tạo nên câu thơ, bài thơ mà là nghĩa tổng hợp trong mối quan hệ đa chiều của những tiếng, những chữ tạo nên câu thơ, bài thơ ấy.

Câu 2. - Người viết đã sử dụng kết hợp các thao tác : Bình luận, chứng minh...

- Bình luận là thao tác lập luận chính

Biểu hiện: Có nhiều câu văn thể hiện quan điểm, ý kiến của người viết về vấn đề chữ và tiếng trong thơ như câu 3,4...

Câu 3. Các biện pháp tu từ

- Biện pháp so sánh: *Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy*

Hiệu quả nghệ thuật: Làm tăng tính gợi hình, gợi cảm. Có cảm giác mỗi chữ không còn là một cái vỏ ngôn ngữ vô hồn, bất động mà lung linh, sinh động, có sức sống đang toả nhiệt và truyền hơi ấm sang người đọc.

- Biện pháp ẩn dụ: *Hình ảnh một vùng sáng chung.*

Hiệu quả nghệ thuật: Đó là nghĩa của những tiếng, những chữ (nói chung là từ ngữ) trong mối quan hệ tương tác, hoà hợp, bổ sung lẫn nhau để tạo nên những ý nghĩa ngoài ý nghĩa riêng của mỗi tiếng, mỗi chữ. Phép ẩn dụ cũng làm tăng tính gợi hình gợi cảm cho câu văn.

Câu 4. - Thi tại ngôn ngoại nghĩa là : Ý thơ ở ngoài lời thơ

- Phần Thi tại ngôn ngoại trong hai câu thơ:

+ Tiếng nói thiêng liêng của lịch sử cha ông luôn vọng về nhắc nhở.

+ Sức mạnh truyền thống của lịch sử dân tộc tạo nên động lực, niềm tự hào cho thế hệ hiện tại trong cuộc đương đầu với thực dân Pháp xâm lược.

ĐỀ SỐ 46. THPT NGHĨA HƯNG NAM ĐỊNH

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:

Trái tim hoàn hảo

Có một chàng thanh niên đứng giữa thị trấn và tuyên bố mình có trái tim đẹp nhất vì chẳng hề có một tí vết hay rạn nứt nào. Đám đông đều đồng ý đó là trái tim đẹp nhất mà họ từng thấy. Bỗng một cụ già xuất hiện và nói: “Trái tim của anh không đẹp bằng trái tim tôi”. Chàng trai cùng đám đông ngấm nhìn trái tim của cụ. Nó đang đập mạnh mẽ nhưng đầy những vết sẹo. Có những phần của tim đã bị lấy ra và những mảnh tim khác được đắp vào nhưng không vừa khít nên tạo một

bề ngoài sần sùi, lởm chởm; có cả những đường rãnh khuyết vào mà không hề có mảnh tim nào trạm thay thế. Chàng trai cười nói:

- Chắc là cụ nói đùa! Trái tim của tôi hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh chấp vá đầy sẹo và vết cắt.

- Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người mà tôi yêu không chỉ là những cô gái mà còn là cha mẹ, anh chị, bạn bè... Tôi xé một mẩu tim mình trao cho họ, thường thì họ cũng sẽ trao lại một mẩu tim của họ cho tôi đắp vào nơi vừa xé ra. Thế nhưng những mẩu tim chẳng hoàn toàn giống nhau, mẩu tim của cha mẹ trao cho tôi lớn hơn mẩu tôi trao lại cho họ, ngược lại với mẩu tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo ra những nếp sần sùi mà tôi luôn yêu mến vì chúng nhắc nhở đến tình yêu mà tôi đã chia sẻ. Thỉnh thoảng tôi trao mẩu tim của mình nhưng không hề được nhận lại gì, chúng tạo nên những vết khuyết. Tình yêu đôi lúc chẳng cần sự đền đáp qua lại. Dù những vết khuyết đó thật đau đớn nhưng tôi vẫn luôn hy vọng một ngày nào đó họ sẽ trao lại cho tôi mẩu tim của họ, lấp đầy khoảng trống mà tôi luôn chờ đợi.

Chàng trai đứng yên với giọt nước mắt lăn trên má. Anh bước tới, xé một mẩu từ trái tim hoàn hảo của mình và trao cho cụ già. Cụ già cũng xé một mẩu từ trái tim đầy vết tích của cụ trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp nhau, tạo nên một đường lởm chởm trên trái tim chàng trai. Trái tim của anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết vì tình yêu từ trái tim của cụ già đã chảy trong tim anh...

(Theo Trí Quyền – *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ TPHCM, 2006)

1. Nội dung chính của văn bản trên là gì?
2. Văn bản trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào?
3. Em hiểu như thế nào về nhan đề “*Trái tim hoàn hảo*”?
4. Hãy giải thích về “giọt nước lăn trên má” của chàng trai.

ĐÁP ÁN

Đọc câu chuyện và trả lời các câu hỏi:

- Câu 1.** Nội dung chính của đoạn văn trên là ca ngợi tình yêu, sự sẻ chia giữa con người với con người.
- Câu 2.** Văn bản trên có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Câu 3.** Nhan đề “*Trái tim hoàn hảo*”: Một trái tim hoàn hảo không phải là trái tim nguyên vẹn, đẹp đẽ về hình thức mà nó chỉ hoàn hảo khi biết cho và nhận, khi được nhận yêu thương và biết sẻ chia yêu thương.
- Câu 4.** “*Giọt nước lăn trên má*” của chàng trai là giọt nước mắt cảm động, ngưỡng mộ trước trái tim, tấm lòng của cụ già. Đồng thời, nó còn là giọt nước mắt tủi hổ về bản thân mình vì trước nay chàng trai luôn ngộ nhận trái tim mình là hoàn hảo khi chưa hiểu đúng về nó.

ĐỀ SỐ 47. THPT HÒN GAI QUANG NINH

Cho đoạn trích sau đây:

“Và bằng phép màu một tiếng
Tôi bắt đầu lại cuộc đời
Tôi sinh ra để biết em
Để gọi tên em
TỰ DO”

- 1/ (1,0 điểm) Anh/chị hãy nêu xuất xứ trích đoạn, hoàn cảnh sáng tác văn bản trên?
- 2/ (2,0 điểm) Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của trích đoạn thơ trên?
- 3/ (3,0 điểm) Xác định biện pháp tu từ nổi bật và phân tích hiệu quả tu từ trong trích đoạn? Theo anh/chị, tại sao trong câu cuối nhà thơ tách riêng và viết hoa hai chữ “TỰ DO”?

ĐÁP ÁN

Đọc hiểu văn bản:

- Câu 1.** -Xuất xứ đoạn trích: được trích từ bài thơ “Tự do” của Paul Éluard, bản dịch của Tế Hanh.
- Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được viết vào mùa hè 1941, khi nước Pháp điêu tàn trong Đệ nhị Thế chiến dưới ách thống trị của Đức quốc xã.
- Câu 2.** Nội dung, ý nghĩa của trích đoạn: Đoạn thơ khẳng định sức mạnh nhiệm màu của tự do - sức mạnh tái sinh những cuộc đời. Từ đó bộc lộ tình yêu tự do và kêu gọi hi sinh cho tự do. Không thể sống trong cảnh đời nô lệ, Tự Do trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại. Vì thế bài thơ được coi là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp.
- Câu 3.** -Biện pháp tu từ: nhân hóa, gọi “*tự do*” là “*em*”, xưng “*tôi*”
Tác dụng: tình yêu, sự trân trọng đối với “tự do”
-Trong câu cuối nhà thơ tách riêng và viết hoa hai chữ “TỰ DO” nhằm nhấn mạnh, khẳng định: TỰ DO - một từ, một lời đầy mãnh lực được tác giả đặt vào trung tâm - đã gói trọn tất cả, và hàm chứa sự phục sinh cho con người trong một thế giới mà tự do được ngự trị. Bởi thế, "TỰ DO" trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại, phải biết hi sinh cho tự do.

ĐỀ SỐ 48. NGUYỄN HUỆ YÊN BÁI

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

“...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

1. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Của ai? Văn bản ra đời trong hoàn cảnh như thế nào? Hoàn cảnh ra đời giúp người đọc hiểu thêm điều gì về mục đích sáng tác của tác phẩm?
2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?
3. Nội dung cơ bản của đoạn trích là gì? Chỉ ra những phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích?

ĐÁP ÁN

Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi

- Câu 1.**
- Đoạn trích trên thuộc văn bản “*Tuyên ngôn độc lập*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
 - Văn bản ra đời trong hoàn cảnh:
 - + Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật đầu hàng đồng minh.
 - + Ngày 19/08/1945, cách mạng tháng Tám thành công ở Hà Nội. Ngày 26/08/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Người đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.
 - Mục đích sáng tác:
 - + Tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.
 - + Khẳng định khát vọng độc lập, tự do và quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.
- Câu 2.** Phong cách ngôn ngữ của văn bản: Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Câu 3.**
- Nội dung cơ bản của đoạn trích là: Khẳng định quyền được hưởng tự do, độc lập; sự thật đã được tự do độc lập và quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập ấy của dân tộc Việt Nam.
 - Những phép liên kết được sử dụng trong đoạn trích:
 - + Phép nối: Quan hệ từ “và”
 - + Phép lặp: Lặp lại cụm từ “*Tự do, độc lập*”
 - + Phép thế: Dùng từ ngữ mang ý nghĩa thay thế “*ấy*”.

ĐỀ SỐ 49. THPT MỸ ĐỨC LẦN 1

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...*

*Chiều nay con chạy về thăm Bác
Uớt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!*

*Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?
Phòng lạnh, rèm buông, tắt ánh đèn!*

*Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!*

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài!
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm
Quanh mặt hồ in mây trắng bay...*

1. Anh/ chị hãy nêu xuất xứ của đoạn trích, nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản?
2. Tìm và phân tích tác dụng của việc sử dụng các thán từ và câu cảm thán trong đoạn thơ trên?
3. Nêu nội dung tư tưởng của văn bản trên?

ĐÁP ÁN

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Nêu xuất xứ của đoạn trích, nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản:

- Xuất xứ: Trích trong bài thơ “Bác ơi” của Tố Hữu.
- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết vào năm 1969, khi nhà thơ Tố Hữu nghe tin Bác Hồ mất.

Câu 2. Tìm và phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ và câu cảm thán.

- Các từ cảm thán sử dụng trong đoạn thơ: "rồi sao" "ôi" "hỡi" "còn đâu"
- Các câu cảm thán được sử dụng trong đoạn thơ "Uớt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!" "Phòng lạnh, rèm buông, tắt ánh đèn!" "Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!" "Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài!"
- Tác dụng: Bộc lộ niềm đau xót và nhớ thương Bác khôn nguôi của nhà thơ khi nghe tin Bác mất

Câu 3. Nội dung tư tưởng của văn bản.

Đoạn thơ nói là tiếng khóc đau đớn, xót xa, thảng thốt trước sự ra đi của Bác, qua đó ta thấy được tình cảm lớn lao của nhà thơ với "Vị Cha già dân tộc": niềm kính trọng, yêu mến, xót thương chân thành, sâu sắc, lớn lao.

ĐỀ SỐ 50. CẢMLÝ BẮC GIANG LẦN 1

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: “Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi” rồi chạy xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục, và ngấp ngừng bảo luôn cho ông Huấn biết việc về kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về báo với chủ ngục, tối nay, lúc nào lính canh về trại nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây ta cho chữ. Chữ thì quý thực. ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

(Ngữ văn 11, tập 1, trang 113, NXBGD 2014)

1/ Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của ai? (1,0 điểm)

2/ “Lụa”, “mực”, “bút” thường được dùng trong nghệ thuật gì? (0,5 điểm)

3/ “Tấm lòng biệt nhỡn liên tài” nghĩa là gì? (0,5 điểm)

4/ Huấn Cao coi quản ngục là “một tấm lòng trong thiên hạ”, em có đồng ý không? Vì sao? (1,0 điểm)

ĐÁP ÁN

Câu 1. Đoạn văn trên được trích từ truyện ngắn “Chữ người tử tù” của nhà văn Nguyễn Tuân.

Câu 2. “Lụa”, “mực”, “bút” thường được dùng trong nghệ thuật viết chữ thư pháp.

Câu 3. “Tấm lòng biệt nhỡn liên tài” nghĩa là cái nhìn thể hiện sự kính trọng đặc biệt đối với người tài.

Câu 4. Đồng ý với việc Huấn Cao coi quản ngục là “một tấm lòng trong thiên hạ” vì ngục quan có những phẩm chất đáng quý:

- Biết yêu, trân trọng cái đẹp, say mê nghệ thuật

- Có lòng “biệt nhỡn liên tài”: thái độ sùng kính Huấn Cao - hiện thân của cái tài, cái đẹp, cái “thiên lương” cao cả;

- Biết hối cải qua hành vi vái người tù một vái, chấp tay nghẹn ngào nói: “*Kẻ mê muội này xin bái lĩnh*” ở cuối tác phẩm.

ĐỀ SỐ 51. THPT QUÌ CHÂU

Đọc văn bản:

Mẹ ta không có yếm đào

nón mê thay nón quai thao đội đầu

Nguồn: <https://yduochi.com.vn/> tổng hợp.